

PHẠM THỊ HOÀ · NGÔ THỊ NAM

Handwritten signature: B. C. H. G. A. H. C. 1'

GIÁO DỤC ÂM NHẠC

(Sách dùng cho Khoa Giáo dục Mầm non)

TẬP I

NHẠC LÝ CƠ BẢN XƯỚNG ÂM

Handwritten notes: pha độ non rô là n



Handwritten musical notation: P E # F I G T A

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SỰ PHẠM

MỤC LỤC

Trang

Lời nói đầu.....	5
Phần thứ nhất: NHẠC LÝ CƠ BẢN	
Chương một: ÂM THANH VÀ CÁCH GHI CHÉP NHẠC	7
I. Cơ sở vật lí của âm thanh, các thuộc tính của âm thanh có tính nhạc	7
II. Các bậc cơ bản của hàng âm. Ký hiệu âm thanh bằng hệ thống chữ cái	8
III. Nốt nhạc, khuôn nhạc, khoá	9
IV. Nửa cung, nguyên cung, các bậc chuyển hoá và kí hiệu, thứ tự nốt trên đàn piano, organ	12
V. Dấu lặng, các dấu tăng thêm độ dài	14
VI. Cách ghi nhạc hai bè trong tác phẩm thanh nhạc và cho đàn piano.....	15
VII. Một số dấu viết tắt trong cách ghi chép nhạc	17
Chương hai: TIẾT TẤU VÀ TIẾT NHỊP	21
I. Tiết tấu, cách phân chia cơ bản và tự do các loại độ dài	21
II. Trọng âm, tiết nhịp, loại nhịp, ô nhịp, vạch nhịp, nhịp lấy đà ...	24
III. Nhịp đơn và nhịp phức. Cách phân nhóm trường độ.....	27
IV. Nhịp biến đổi	32
V. Đảo phách, nghịch phách	33
VI. Nhịp độ, máy gõ nhịp	36
VII. Cách đánh nhịp	37
Chương ba: QUĂNG	40
I. Quăng là gì?	40
II. Tên quăng	41
III. Quăng đơn.....	41
IV. Quăng cơ bản (nguyên hoặc đi-a-tô-nich).....	42

V.	Quãng crô-ma-tich, quãng	
VI.	Quãng trùng âm	46
VII.	Cách tính các quãng đơn	46
VIII.	Quãng ghép, đảo quãng	47
IX.	Quãng thuận và quãng nghịch	49
Chương bốn: ĐIỆU THỨC VÀ GIỌNG		51
I.	Khái niệm về điệu thức, điệu thức trưởng, điệu thức thứ	51
II.	Giọng	57
III.	Điệu thức năm âm	72
Chương năm: HỢP ÂM		80
I.	Hợp âm, các dạng hợp âm ba, đảo hợp âm	80
II.	Hợp âm bảy át và các thể đảo, hợp âm bảy thứ	82
III.	Phân loại hợp âm, ký hiệu nâng cao hạ thấp các bậc của hợp âm	84
Chương sáu: CÁCH TÌM GIỌNG ĐIỆU CỦA BẢN NHẠC		86
I.	Xác định giọng điệu của bản nhạc	86
II.	Dịch giọng	92
Chương VII: GIAI ĐIỆU MỘT SỐ TỪ VÀ KÍ HIỆU ÂM NHẠC		97
I.	Giai điệu	97
II.	Một số từ và ký hiệu âm nhạc	97
 Phần thứ hai: XƯỚNG ÂM		
Chương I.	GIỌNG ĐÔ TRƯỞNG	103
Chương II.	GIỌNG SON TRƯỞNG	119
Chương III.	GIỌNG PHA TRƯỞNG	125
Chương IV.	GIỌNG LA THỨ	132
Chương V.	GIỌNG MI THỨ	135
Chương VI.	GIỌNG RÊ THỨ	138
Chương VII.	BÀI ĐỌC CÓ ĐẢO PHÁCH VÀ CHÙM BA	144
Chương VIII.	GAM THỨ HOÀ THANH VÀ GIAI ĐIỆU	153
Tài liệu tham khảo		169

LỜI NÓI ĐẦU

Sách giáo khoa Giáo dục Âm nhạc được biên soạn theo chương trình đào tạo giáo viên Mầm non của khoa Giáo dục Mầm non, trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Với phương châm vừa phát huy những kinh nghiệm thực tiễn, vừa tiếp thu những cái mới có chọn lọc, sách sẽ cung cấp những kiến thức cơ bản cho người bắt đầu học nhạc. Ngoài ra, do yêu cầu giáo dục âm nhạc của giáo viên Mầm non, sách còn cung cấp một số vấn đề về thưởng thức âm nhạc và trang bị phương pháp giáo dục âm nhạc ở các trường Mầm non. Tập I gồm Nhạc lý cơ bản và Xướng âm được biên soạn dễ hiểu, giúp người học nắm được những kiến thức âm nhạc cơ bản ban đầu trong quá trình học tập, rèn luyện và nghiên cứu âm nhạc.

Khi dùng tài liệu này, giáo viên hướng dẫn có thể bổ sung ví dụ để giải thích Nhạc lý cơ bản và bổ sung một số bài xướng âm phù hợp với trình độ, yêu cầu, nội dung của giáo trình.

Giáo viên các trường Mầm non, các bạn yêu thích âm nhạc có thể sử dụng tài liệu này để tham khảo.

Quá trình biên soạn sách khó tránh khỏi thiếu sót, chúng tôi mong nhận được ý kiến đóng góp của các đồng nghiệp và bạn đọc để có sự bổ sung, sửa chữa trong những lần tái bản sau.

Tác giả

Phần thứ nhất
NHẠC LÝ CƠ BẢN

Chương một
ÂM THANH VÀ CÁCH GHI CHÉP NHẠC

I. CƠ SỞ VẬT LÝ CỦA ÂM THANH. CÁC THUỘC TÍNH CỦA ÂM THANH CÓ TÍNH NHẠC

Âm thanh xác định hai khái niệm: thứ nhất, âm thanh là một hiện tượng vật lý; thứ hai, âm thanh là một cảm giác.

Do kết quả rung (dao động) của một vật thể đàn hồi nào đó, thí dụ của sợi dây đàn mà xuất hiện sự lan truyền theo hình làn sóng những dao động kéo dài trong môi trường không khí. Những dao động này gọi là những sóng âm. Từ nguồn phát âm, chúng lan truyền ra theo tất cả các hướng. Cơ quan thính giác tiếp nhận các sóng âm, các sóng âm này gây ra sự kích thích trong cơ quan thính giác, truyền qua hệ thần kinh vào bộ não, tạo nên cảm giác về âm thanh.

Thính giác của ta phân biệt những âm thanh có tính nhạc và những âm thanh có tính chất tiếng động.

Các âm thanh như tiếng kẹt cửa, tiếng gõ, tiếng sóng vỗ, tiếng sấm v.v... chỉ mang tính chất tiếng động, không có cao độ chính xác nên không sử dụng trong âm nhạc, hoặc chỉ sử dụng kết hợp để tạo hiệu quả âm thanh.

Đặc tính của âm thanh có tính nhạc được xác định bởi bốn thuộc tính là cao độ, độ cao, độ dài, độ mạnh và âm sắc.

1. Độ cao

Độ cao là các mức độ cao thấp của âm thanh phụ thuộc vào tần số dao động của vật thể rung. Dao động càng nhiều, âm thanh càng cao và ngược lại.

2. Độ dài

Độ dài âm thanh phụ thuộc vào độ dài các dao động của nguồn phát âm. Quy mô dao động lúc âm thanh bắt đầu vang càng rộng thì thời gian ngân vang càng kéo dài trong điều kiện nguồn phát âm (vật thể phát âm) được rung động tự do.

3. Độ mạnh

Độ mạnh là độ to, nhỏ, mạnh, nhẹ của âm thanh phụ thuộc vào sức mạnh của những dao động, tức là phụ thuộc vào quy mô dao động của vật thể, nguồn âm thanh. Không gian, trong đó diễn ra các dao động gọi là biên độ dao động. Biên độ dao động càng rộng, âm thanh càng to và ngược lại.

4. Âm sắc

Âm sắc là chất lượng của âm thanh. Âm thanh có thể mềm mại, gay gắt, đậm đặc, lạnh lạnh, du dương v.v... Mỗi nhạc cụ hoặc mỗi giọng hát đều có âm sắc riêng. Sự khác biệt của âm sắc phụ thuộc vào thành phần của các âm thanh phụ tự nhiên - bồi âm. Độ cao của bồi âm không giống nhau vì tốc độ dao động của các sóng tạo ra chúng khác nhau.

II. CÁC BẬC CƠ BẢN CỦA HÀNG ÂM. KÝ HIỆU ÂM THANH BẰNG HỆ THỐNG CHỮ CÁI

Hệ thống âm thanh trong âm nhạc có những mối tương quan nhất định với nhau về độ cao. Sự sắp xếp các âm của hệ thống dựa theo độ cao gọi là hàng âm, mỗi âm thanh là một bậc của hàng âm đó. Hàng âm hoàn chỉnh của hệ thống âm nhạc gồm 88 âm thanh khác nhau. Có nhiều hệ thống âm nhạc khác nhau. Trong hệ thống âm nhạc phổ biến hiện hành, các bậc cơ bản của hàng âm có bảy tên gọi độc lập:

Đô, rê, mi, pha, son, la, xi.

Các bậc cơ bản tương ứng với những âm thanh phát ra khi gõ các phím trắng của đàn piano (đàn organ, đàn accordion, cũng tương tự). Bảy tên gọi của các bậc cơ bản nhắc lại một cách chu kỳ trong hàng âm, do đó chúng bao gồm âm thanh của tất cả các bậc cơ bản.

Khoảng cách giữa các âm thanh của những bậc giống nhau gọi là quãng tám. Ví dụ: từ đô đến đô, từ rê đến rê, từ son đến son v.v...

Ký hiệu âm thanh bằng hệ thống chữ cái:

Người tên gọi bằng vần của các âm thanh, người ta ký hiệu âm thanh bằng chữ cái dựa theo bảng chữ cái Latinh. Bảy bậc cơ bản được ký hiệu như sau:

C	D	E	F	G	A	H (B)
đô,	rê,	mi,	pha,	son,	la,	xi (xi giáng)

III. NỐT NHẠC, KHUÔNG NHẠC, KHOÁ

1. Nốt nhạc

Hệ thống ghi âm thanh bằng những ký hiệu đặc biệt gọi là những nốt nhạc. Những nốt nhạc được hình thành trong quá trình phát triển lịch sử âm nhạc. Nốt nhạc là một hình ô van rỗng hoặc đậm.

Để ký hiệu các độ dài khác nhau của các âm thanh, người ta thêm vạch thẳng đứng (đuôi) vào nốt hình ô van. Những vạch ngang gộp các độ dài nhỏ thành nhóm.

Ví dụ 1:

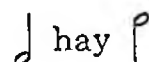


Tên gọi và ký hiệu các độ dài âm thanh bằng nốt nhạc:

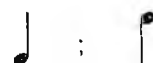
Nốt tròn



Nốt trắng có độ dài bằng nửa nốt tròn



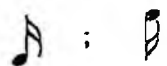
Nốt đen có độ dài bằng nửa nốt trắng



Nốt móc đơn có độ dài bằng nửa nốt đơn



Nốt móc kép có độ dài bằng nửa nốt móc đơn



hoặc kết nhóm



Nốt móc ba có độ dài bằng nửa nốt móc kép



hoặc kết nhóm



Nốt móc bốn bằng nửa nốt móc ba



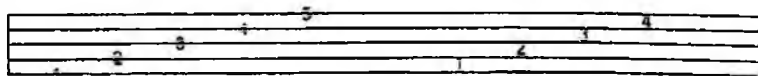
hoặc kết nhóm



2. Khuông nhạc

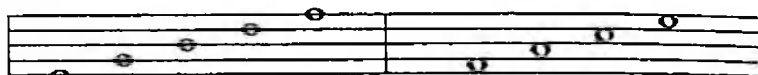
Để xác định độ cao của âm thanh, các nốt nhạc được ghi trên khuông nhạc gồm năm dòng kẻ song song có bốn khe. Dòng và khe được tính từ dưới lên.

Ví dụ 2:



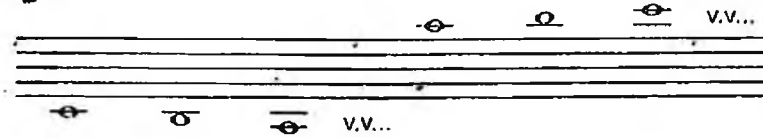
Trên khuông nhạc, các nốt nhạc được viết ở dòng và khe.

Ví dụ 3:



Ngoài khuông nhạc là những dòng kẻ chính, còn dùng những dòng kẻ phụ song song, ngắn cho từng nốt. Các dòng kẻ phụ được đặt ở trên hoặc dưới khuông nhạc.

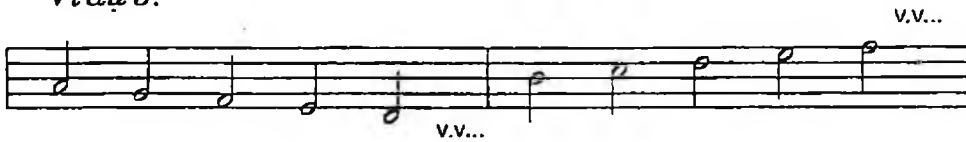
Ví dụ 4:



Các dòng kẻ phụ phía trên được tính từ dòng thứ năm trở lên. Các dòng kẻ phụ phía dưới được tính từ dòng thứ nhất trở xuống.

Trên khuông nhạc, đuôi được đặt cạnh đầu nốt nhạc. Các nốt nhạc từ dòng thứ ba trở xuống, đuôi đặt bên phải quay lên. Các nốt nhạc từ dòng thứ ba trở lên đuôi đặt bên trái, quay xuống.

Ví dụ 5:



Khi nhóm các nốt có các độ cao khác nhau bằng vạch ngang, căn cứ vào phần giữa của khuông nhạc để chọn vị trí thuận lợi nhất.

Ví dụ 6:



3. Khoá

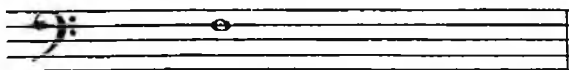
Khoá là ký hiệu dùng để xác định một độ cao nhất định cho các âm thanh nằm trên dòng và khe.

Khoá quy định cho nốt nhạc viết trên dòng đó một độ cao (tên gọi) của một âm thanh nhất định, từ đó xác định vị trí của các nốt khác trên khuông nhạc. Các khoá thường dùng là:

Khoá son: xác định vị trí nốt son ở dòng 2.



Khoá pha: xác định vị trí nốt pha ở dòng 4.



Độ cao tương quan giữa hai khoa:



Trong cách ghi chép nhạc, người ta sử dụng các loại khoá khác nhau để tránh số lượng quá lớn các dòng kẻ phụ kí hiệu các độ cao của âm thanh để đọc nốt nhạc được dễ dàng hơn⁽¹⁾

IV. NỬA CUNG, NGUYÊN CUNG, CÁC BẬC CHUYỂN HOÁ VÀ KÍ HIỆU, THỨ TỰ NỐT TRÊN ĐÀN PIANO HAY ORGAN

1. Nửa cung

Mỗi quãng tám trong hệ thống âm nhạc hiện hành chia thành mười hai phần bằng nhau, mỗi phần là nửa cung. Nửa cung là khoảng cách hẹp nhất giữa các âm.

2. Nguyên cung.

Khoảng cách do hai nửa cung tạo thành gọi là nguyên cung. Giữa các bậc cơ bản của hàng âm có hai nửa cung và năm nguyên cung, được sắp xếp như sau:

đô — ré — mi — pha — son — la — xi — đô
1c 1c 1/2c 1c 1c 1c 1/2c

3. Các bậc chuyển hoá và kí hiệu

Mỗi bậc cơ bản của hàng âm có thể nâng cao hoặc chuyển hoá. Tên gọi của các bậc chuyển hoá lấy từ tên các bậc cơ bản.

Sự nâng cao các bậc cơ bản lên nửa cung gọi là thăng. Ký hiệu thăng là #

Sự hạ thấp các bậc cơ bản xuống nửa cung gọi là giáng. Ký hiệu giáng là ♭

Nâng bậc cơ bản lên hai nửa cung gọi là thăng kép. Ký hiệu thăng kép là X

Hạ bậc cơ bản xuống hai nửa cung gọi là giáng kép. Ký hiệu giáng kép là ♭♭

⁽¹⁾ Vì giới hạn chương trình, chúng tôi không giới thiệu các loại khoá đó.

Muốn tạo các bậc chuyển hoá thành các bậc cơ bản người ta dùng dấu hoàn. Ký hiệu dấu hoàn là \natural

Các bậc có cùng một độ cao nhưng khác tên gọi và ký hiệu gọi là sự trùng âm: Mi thăng và pha, đô giáng và xi...

4. Dấu hoá theo khoá và dấu hoá bất thường

Các ký hiệu của các bậc chuyển hoá trên gọi là dấu hoá.

Các dấu hoá đặt bên phải khoá tạo thành hoá biểu gọi là dấu hoá theo khoá. Các dấu hoá theo khoá có hiệu lực trong suốt tác phẩm âm nhạc đối với tất cả các quãng tám.

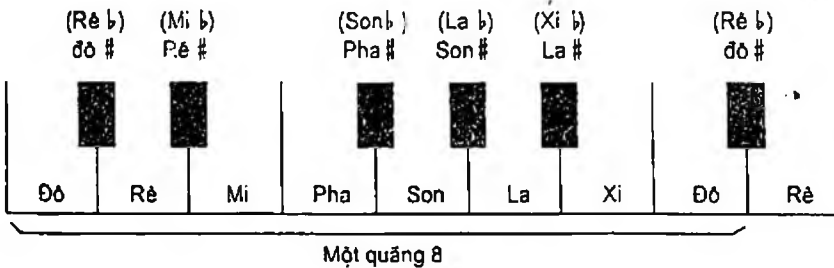
Ví dụ 7:



Dấu hoá đặt bên trái nốt nhạc gọi là dấu hoá bất thường. Các dấu hoá bất thường chỉ có hiệu lực trong một ô nhịp và chỉ với âm thanh liền sau đó.

5. Thứ tự nốt trên đàn piano

Trên đàn piano, accordeon, organ, hai hàng phím đen trắng có tên gọi như sau:



Do mỗi quãng tám được chia thành 12 phần bằng nhau nên mỗi phím đen (bị hoá) có thể dùng hai tên:

- Đô thăng hoặc Rê giáng
- Rê thăng hoặc Mi giáng
- Fa thăng hoặc Son giáng
- Son thăng hoặc La giáng....

La thăng hoặc Xi giáng...

Người ta gọi đây là những phím cùng âm khác tên.

V. DẤU LẶNG, CÁC DẤU TĂNG THÊM ĐỘ DÀI

1. Dấu lặng

Lặng là sự ngừng vang. Độ dài của dấu lặng cũng đo như độ dài của âm thanh. Có 7 dấu lặng tương ứng với 7 hình nốt.

Ví dụ 8:

Tròn	Trắng	Đen	Móc đơn	Móc kép	Móc ba	Móc bốn

Dấu lặng đen } có thể viết ∇

Dùng tên của bảy độ dài nốt để đặt tên cho dấu lặng: lặng tròn, lặng trắng, lặng đen, lặng móc. Lặng tròn còn gọi là lặng toàn nhịp vì nghỉ toàn bộ số phách của ô nhịp. Ví dụ với nhịp $\frac{3}{4}$ nghỉ 3 phách; với nhịp $\frac{6}{8}$ nghỉ 6 phách.

2. Các dấu tăng thêm độ dài

Ngoài độ dài cơ bản của nốt nhạc hay của dấu lặng, người ta còn sử dụng các kí hiệu tăng độ dài:

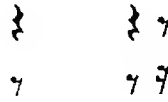
- Dấu chấm: ghi ở bên phải nốt nhạc, tăng thêm $\frac{1}{2}$ độ dài nốt nhạc đó.

Ví dụ 9:

	=	

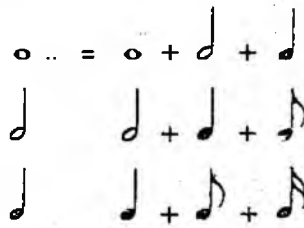
Người ta cũng dùng dấu chấm để tăng độ dài của dấu lặng. Ý nghĩa của dấu chấm trong trường hợp này cũng giống như đối với nốt nhạc.

Ví dụ 10:



- Dấu hai chấm: tăng thêm một nửa và một phần tư độ dài.

Ví dụ 11:



- Dấu nối (dấu liên kết) hình vòng cung dùng để nối liền độ dài các nốt có cùng độ cao nằm cạnh nhau.

Ví dụ 12:



Như vậy, các nốt nối với nhau được ngân dài bằng tổng số các độ dài của chúng.

- Dấu miễn nhịp: được đặt trên hoặc dưới nốt nhạc để tăng độ dài một nốt nhạc tự do theo ý muốn (được sử dụng với cả dấu lặng).



VI. CÁCH GHI NHẠC HAI BÈ, GHI TRONG TÁC PHẨM THANH NHẠC VÀ GHI CHO ĐÀN PIANO

1. Ghi âm nhạc hai bè

Có thể ghi trên một khuông nhạc hai bè độc lập, các nốt bè trên đuôi quay lên, bè dưới đuôi quay xuống.

Ví dụ 13:

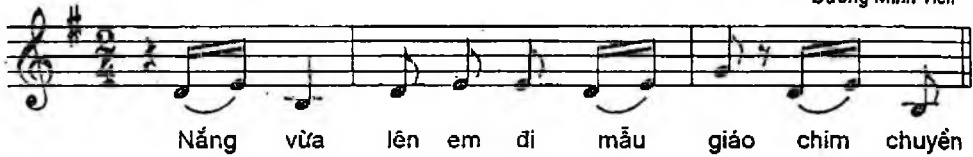


2. Trong tác phẩm thanh nhạc, mỗi từ ứng với một nốt hay một chùm nốt được ghi như sau:

Ví dụ 14:

EM ĐI MẪU GIÁO

Dương Minh Viên



Trong tác phẩm thanh nhạc có hai bè được ghi như sau:

Ví dụ 15:

CHIẾC ĐÈN ÔNG SAO

Phạm Tuyên



3. Ghi nhạc cho đàn piano

Âm nhạc viết cho đàn piano trên hai khuông liên kết với nhau bằng một dấu ngoặc ở đầu khuông, gọi là dấu ac-cô-lát. Nhiều âm thanh vang lên cùng một lúc thường viết một đuôi.

Ví dụ 16:

NĂM NGÓN TAY NGOAN

Trần Văn Thy

VII. MỘT SỐ DẤU VIẾT TẮT TRONG CÁCH GHI CHÉP NHẠC

1. Dấu dịch lên hoặc dịch xuống một quãng tám, để tránh việc đọc nốt trên dòng kẻ phụ

Ví dụ 17:

Viết

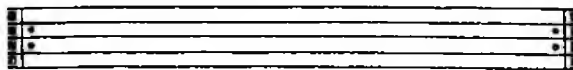
âm vang thực

Viết

âm vang thực

Dịch lên hay dịch xuống một quãng tám chỉ có giá trị đối với các nốt nằm trong giới hạn các dấu chấm.

2. Dấu nhắc lại (còn gọi là tái hiện): dùng khi cần nhắc lại một đoạn hoặc toàn bộ tác phẩm.



Khi nhắc lại nếu cuối đoạn nhạc hoặc cuối tác phẩm có một người ta dùng dấu nhảy (vôn ta). Ký hiệu là những dấu ngoặc vuông, dưới có số 1 và 2....có nghĩa là nhắc lại lần một, lần hai...

Nếu cần nhắc lại từ ô nhịp nào, người ta dùng dấu % (segno) ở ngay ô nhịp đó và ở cuối bài.

Ví dụ 18:

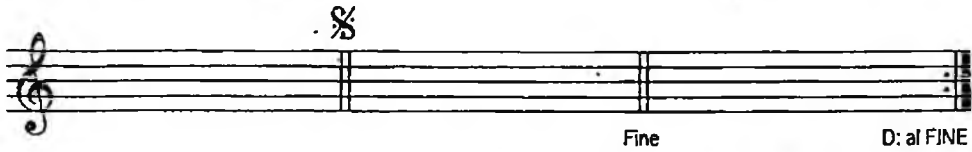
HÒA TRƯỞNG EM

Vừa phải - tươi sáng

Dương Hưng Bang

Nếu cần nhắc lại từ đầu cho đến hết thì ở cuối bản nhạc người ta viết DC al fine và ghi chữ Fine ở chỗ cần chấm dứt. Dấu này thường dùng trong tác phẩm viết theo thể ba đoạn, đoạn ba nhắc lại nguyên đoạn một.

Nếu đoạn một không nhắc lại từ đầu, người ta đặt dấu ‰ và ở cuối đoạn hai viết Dal segno al fine có nghĩa là từ dấu ‰ đến hết (Fine có nghĩa là hết).



Khi yêu cầu phải lặp lại nhiều hơn nữa và lần trở lại cuối cùng có bỏ bớt một đoạn nhạc ở giữa bài, người ta dùng dấu Φ (coda).



Khi cần nhắc lại ô nhịp nào đó vài lần dùng dấu ‰ .



CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Các thuộc tính của âm thanh có tính nhạc?
2. Ký hiệu âm thanh bằng hệ thống chữ cái Latinh?
3. Cách xác định nốt (âm thanh) ở khoá son và khoá pha?
4. Thế nào là nửa cung, nguyên cung? Cho ví dụ.
5. Thế nào là dấu hoá theo khoá? Thế nào là dấu hoá bất thường?
6. Có bao nhiêu loại dấu hoá để nâng cao hay hạ thấp các bậc cơ bản? Ý nghĩa của các loại dấu ấy?
7. Hãy nêu các ký hiệu độ dài cơ bản của âm thanh và các dấu tương ứng.
8. Hãy nêu các dấu tăng thêm độ dài. Cho ví dụ.
9. Hãy nêu một số dấu viết tắt trong cách chép nhạc.

BÀI TẬP THỰC HÀNH

1. Luyện cách ghi chép nhạc của một số bài hát.
2. Trong một số bài hát, bản nhạc có dấu nhắc lại, hãy chỉ rõ trình tự tiến hành giai điệu của bản nhạc ấy.

lại, hãy

Chương hai TIẾT TẤU VÀ TIẾT NHỊP

I. TIẾT TẤU, CÁCH PHÂN CHIA CƠ BẢN VÀ TỰ DO CÁC LOẠI ĐỘ DÀI

Tiết tấu là tương quan độ dài của các âm thanh nối tiếp nhau.

Trong âm nhạc có sự luân phiên các độ dài của âm thanh, do đó tạo ra những mối tương quan khác nhau về thời gian giữa các âm thanh đó. Khi liên kết với nhau theo một thứ tự nhất định, độ dài của âm thanh tạo ra những nhóm (hình tiết tấu). Từ những hình tiết tấu đó hình thành đường nét tiết tấu chung của toàn tác phẩm âm nhạc.

Ví dụ 19:

KHÁM TAY

Nhịp nhàng, vui

Đào Việt Hưng

Nào đưa bàn tay Trực nhật khám ngay

Các nhóm tiết tấu $\frac{2}{4}$

Ví dụ 20:

KHÚC HÁT RU CỦA NGƯỜI MẸ TRẺ

Thiết tha, giản dị

Nhạc: Phạm Tuyên
Thơ: Lâm Thị Mỹ Dạ

Musical notation for the song "Khúc hát ru của người mẹ trẻ". It features a treble clef, a key signature of one sharp (F#), and a 3/8 time signature. The melody is written on a single staff with lyrics underneath: "Đời làn môi con nghiêng vé vù mẹ".

Các nhóm tiết tấu nhịp $\frac{3}{8}$

Rhythmic groups for the 3/8 time signature. It shows four groups of notes: a quarter note, a dotted quarter note, a quarter note, and a quarter note, each with a bracket underneath.

Ví dụ 21:

CHÚ BỘ ĐỘI ĐI XA

Đừng chậm

Hoàng Văn

Musical notation for the song "Chú bộ đội đi xa". It features a treble clef, a key signature of one sharp (F#), and a 3/4 time signature. The melody is written on a single staff with lyrics underneath: "Chú bộ đội đi xa".

Các nhóm tiết tấu nhịp $\frac{3}{4}$

Rhythmic groups for the 3/4 time signature. It shows three groups of notes: a quarter note, a quarter note, and a quarter note, each with a bracket underneath.

Trong âm nhạc, người ta sử dụng các loại độ dài theo các cách phân chia cơ bản và tự do.

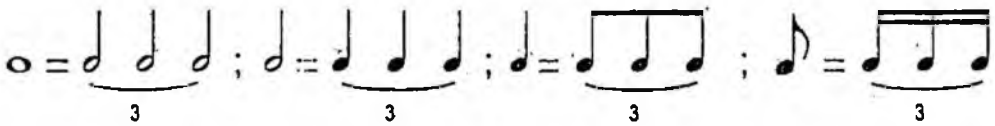
1. Phân chia cơ bản

Phân chia cơ bản là cách chia chẵn theo tương quan của các độ dài cơ bản, đó là những nốt tròn, trắng, đen, móc đơn, móc kép, móc ba, v.v... Trong đó nốt tròn có độ dài cơ bản lớn nhất, nốt trắng bằng nửa nốt tròn, nốt đen bằng nửa nốt trắng...

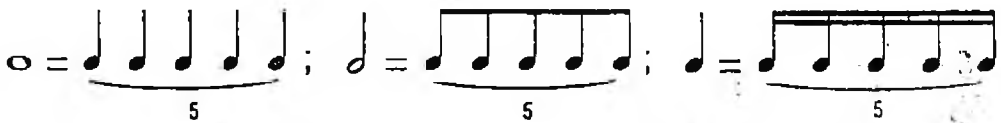
2. Phân chia tự do

Phân chia tự do là những độ dài được tạo nên do sự phân chia tự do (ước lệ) các loại độ dài cơ bản thành những phần bằng nhau với bất kỳ một số lượng nào. Các độ dài tạo nên từ cách chia tự do thường gặp là:

- *Chùm ba*: chùm ba tạo nên do sự phân chia độ dài cơ bản thành ba phần bằng nhau.



- *Chùm năm*: được tạo nên do sự phân chia độ dài cơ bản thành năm phần bằng nhau.

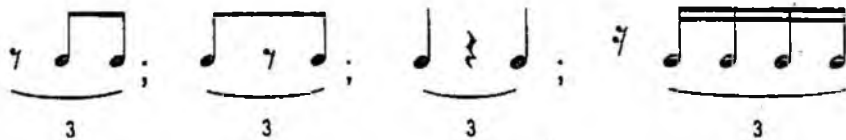


- *Chùm bốn*: được tạo nên do độ dài cơ bản có dấu chấm chia thành bốn phần bằng nhau



Ngoài ra còn có thể gặp các loại chùm 6, chùm 7, chùm 2.

Trong nhóm độ dài có thể có cả dấu lặng giá trị bằng một trong số các độ dài hợp thành nhóm đó:



Trong ca khúc viết cho nhà trẻ, mẫu giáo không sử dụng độ dài chia tự do. Trong ca khúc viết cho người lớn thường gặp chùm ba.

Ví dụ 22:

HÀ NỘI MÙA THU

Vừa phải, trong sáng, tha thiết

Vũ Thành

Anh nghe chăng! Trong lảng sâu nơi hóng trời tim mình
Hà Nội mùa thu ôi xao xuyến trong lòng
Ta Như bâng khuâng nghe gió đưa vang vọng giữa
Ba Đình

II. TRỌNG ÂM, TIẾT NHỊP, LOẠI NHỊP, Ô NHỊP, VẠCH NHỊP, NHỊP LẤY ĐÀ

Các âm thanh trong âm nhạc được tổ chức về thời gian. Sự nối tiếp các âm thanh với những phách bằng nhau về thời gian tạo nên sự chuyển động nhịp nhàng. Trong sự chuyển động nhịp nhàng đó, các âm thanh của một số phách nổi lên mạnh hơn, rõ hơn gọi là trọng âm.

Những phách có trọng âm gọi là phách mạnh. Những phách không có trọng âm gọi là phách nhẹ (yếu).

Sự nối tiếp đều đặn các phách mạnh và phách nhẹ tạo nên tiết nhịp.
Phách của tiết nhịp là những phần bằng nhau về thời gian và

được biểu hiện bằng các độ dài khác nhau. Một phách thường gặp bằng một nốt đen, có thể bằng một móc đơn hay bằng một nốt trắng.

Số lượng phách của tiết nhịp có cùng một độ dài tạo thành loại nhịp. Loại nhịp ghi số trên và số dưới, đặt cạnh khoá, sau các dấu hoá.



Số trên chỉ số phách của mỗi nhịp. Ví dụ: loại nhịp $\frac{2}{4}$ mỗi ô nhịp có hai phách; loại nhịp $\frac{3}{4}$ mỗi ô nhịp có ba phách; loại nhịp $\frac{4}{4}$ mỗi ô nhịp có bốn phách; loại nhịp $\frac{6}{8}$ mỗi ô nhịp có sáu phách v.v...

Số ở dưới chỉ độ dài của mỗi phách trong loại nhịp đó. Ví dụ: loại nhịp $\frac{2}{2}$ mỗi phách bằng một nốt trắng; loại nhịp $\frac{2}{4}, \frac{3}{4}, \frac{4}{4}$ mỗi phách bằng một nốt đen; loại nhịp $\frac{3}{8}, \frac{6}{8}, \frac{9}{8}$ mỗi phách bằng một móc đơn. Trong bản nhạc, từ phách mạnh này đến phách mạnh tiếp theo gọi là ô nhịp. Các ô nhịp cách nhau bằng vạch nhịp (vạch thẳng đứng cắt ngang khuông nhạc). Vạch nhịp được đặt trước phách mạnh.

Ví dụ 23:

YÊU HÀ NỘI



Khi ghi chép nhạc, hết vạch nhịp mới xuống dòng.

Cuối bản nhạc (hoặc cuối đoạn) đặt hai vạch nhịp, vạch ngoài đậm.

Nếu bản nhạc bắt đầu từ phách nhẹ, thì ô nhịp đó không đầy đủ số phách quy định. Ô nhịp không đầy đủ gọi là nhịp lấy đà. Mở đầu bản nhạc là nhịp lấy đà thì bản nhạc kết thúc bằng một ô nhịp không đầy đủ, bổ sung cho nhịp lấy đà.

Ví dụ 24:

VUI ĐẾN TRƯỜNG

Nhịp vừa

Hồ Bắc

Con chim nó hát liu lo liu lo Kia ông mặt
trời lên cao sáng rõ. Em rửa mặt thật sạch
Em chải răng trắng tinh. Mẹ đưa em *f.* tới trường
gặp lại bạn gặp lại cô vui vui vui

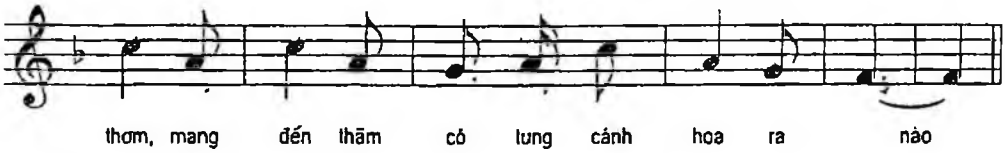
Ví dụ 25:

BÔNG HỒ MỪNG CÔ

Vừa phải - trầm thiết

Trần Thị Duyên

Móng tám hàng ba em ra thăm vườn chọn một bông
hoa xinh tươi tặng cô giáo. Nào hồng nào đẹp, nào



III. NHỊP ĐƠN VÀ NHỊP PHỨC, CÁCH PHÂN NHÓM ĐỘ DÀI

1. Nhịp đơn

Những loại nhịp có hai hoặc ba phách, mỗi ô nhịp chỉ có một trọng âm gọi là nhịp đơn. Nhịp đơn gồm các loại như sau:

- Nhịp đơn hai phách: $\frac{2}{2}$ $\frac{2}{4}$ $\frac{2}{8}$
- Nhịp $\frac{2}{2}$ còn ký hiệu C
- Nhịp đơn ba phách thường gặp: $\frac{3}{4}$ $\frac{3}{8}$

2. Nhịp phức

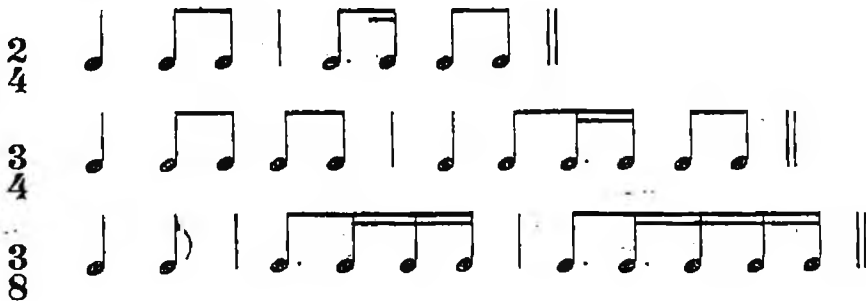
Hai hoặc nhiều nhịp đơn cùng loại tạo thành nhịp phức. Do đó, nhịp phức là loại nhịp có nhiều phách mạnh. Trọng âm của phách thứ nhất mạnh hơn các trọng âm còn lại được gọi là phách mạnh, còn những phách có trọng âm yếu hơn gọi là những phách tương đối mạnh. Nhịp phức thường gặp gồm các loại như sau:

- Nhịp bốn phách: $\frac{4}{4}$; (C) do hai nhịp đơn $\frac{2}{4}$ tạo thành.
- Nhịp sáu phách: $\frac{6}{8}$; do hai nhịp đơn $\frac{3}{8}$ tạo thành.
- Nhịp chín phách: $\frac{9}{8}$ do ba nhịp đơn $\frac{3}{8}$ tạo thành.

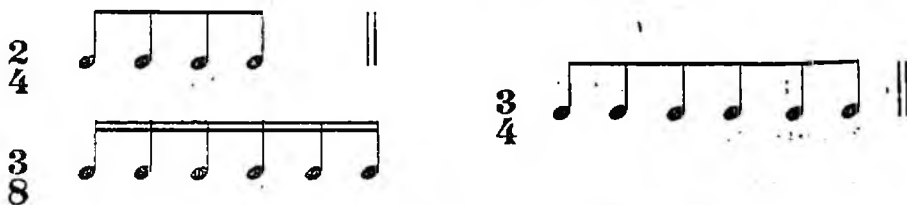
3. Cách phân nhóm độ dài trong một ô nhịp

Trong nhịp đơn, các phách cơ bản của ô nhịp phải tách rời nhau:

Ví dụ 26:



Các độ dài giống nhau có thể viết kết tấu ca bằng một vạch đơn
Ví dụ 27:



Âm thanh có độ dài bằng cả ô nhịp ghi bằng một nốt, không dùng dấu nối.

Ví dụ 28:

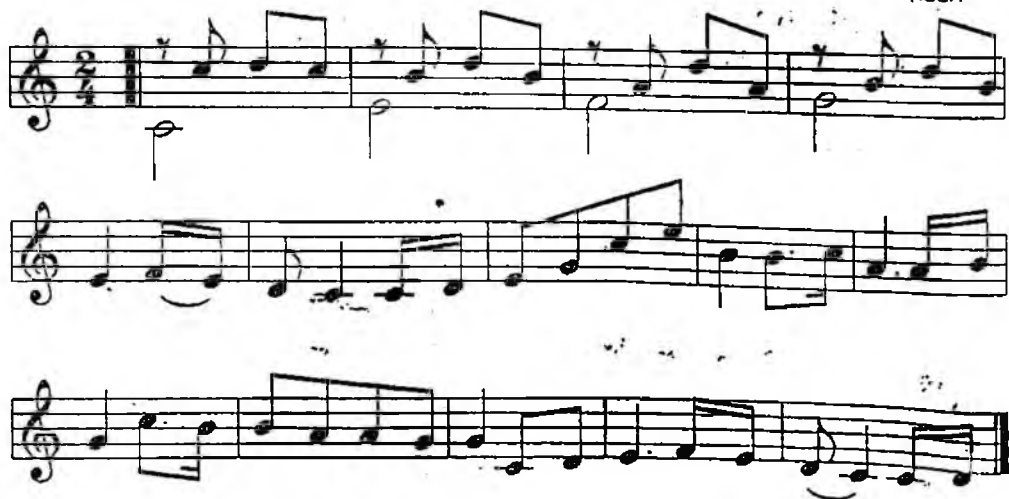


Các dấu lặng cũng phân nhóm giống nốt nhạc. Sau đây là vài ví dụ các loại nhịp đơn.

Ví dụ 29:

HAPPY NEW YEAR

ABBA



Ví dụ 30:

BỤI PHÂN

Vũ Hoàng

Musical score for 'BỤI PHÂN' by Vũ Hoàng. The score is written on five staves in treble clef with a key signature of one flat (B-flat) and a 3/8 time signature. The melody consists of eighth and quarter notes, with some slurs and accents. The first staff contains the first line of music. The second staff continues the melody. The third staff includes a repeat sign with first and second endings. The fourth staff shows the continuation of the melody with first and second endings. The fifth staff concludes the piece with a double bar line.

Ví dụ 31:

CON CÒ

Vừa phải - thắm thiết

Xuân Giao

Musical score for 'CON CÒ' by Xuân Giao. The score is written on two staves in treble clef with a key signature of one flat (B-flat) and a 3/8 time signature. The melody is composed of eighth and quarter notes, featuring a mix of eighth and sixteenth notes. The first staff contains the first line of music, and the second staff continues the melody.

Ví dụ 32:

CÔ GIÁO

Nhạc: Đỗ Mạnh Thường
Thơ: Nguyễn Hữu Tường

Vừa phải - thâm thiết

Musical notation for 'CÔ GIÁO' in 2/4 time, featuring a single melodic line on a treble clef staff. The key signature has one flat (B-flat). The melody consists of a sequence of eighth and quarter notes, with a final half note. The tempo/mood is indicated as 'Vừa phải - thâm thiết'.

Ví dụ 33:

CHIỀU MAXCOVA

V. Soloviev. Sedy

Musical notation for 'CHIỀU MAXCOVA' in 3/4 time, featuring two staves (treble and bass clefs). The key signature has one flat (B-flat). The melody is marked with a slur and consists of quarter and eighth notes. The bass line consists of chords and single notes. The tempo/mood is indicated as 'V. Soloviev. Sedy'.

Trong nhịp phức, các loại nhịp đơn hợp thành nó không liên kết thành những nhóm tiết tấu chung mà tập hợp riêng, tạo thành những nhóm độc lập.

Ví dụ 34:



Sau đây là những ví dụ về phân nhóm các loại nhịp phứ:

Ví dụ 35:

LỢN TRÒN LỢN KHÉO



Ví dụ 36:

WHELLS

Norman Petty





* Ý nghĩa chung của một số loại nhịp thường gặp:

Nhịp $\frac{2}{4}$ tính chất đơn giản, mỗi ô nhịp có hai phách: phách mạnh, phách nhẹ nối tiếp luân phiên phù hợp với các bài hát tập thể, bài hành khúc, hoặc những tác phẩm có tính chất khoẻ khoắn, cổ vũ, động viên, các bài hát dành cho thiếu nhi, mẫu giáo v.v...

Nhịp $\frac{3}{4}$ do tính chất đều đặn trong mỗi ô nhịp có ba phách: một phách mạnh, hai phách nhẹ nên loại nhịp này thường dùng trong các bản nhạc có tính chất vũ khúc, nhịp nhàng, êm đềm, trữ tình.

Nhịp $\frac{4}{4}$ (C) mỗi ô nhịp có bốn phách: phách thứ nhất mạnh, phách thứ ba tương đối mạnh, hai phách còn lại là phách nhẹ nên có phần phức tạp hơn. Những bản nhạc viết ở nhịp $\frac{4}{4}$ biểu hiện sự trang trọng, hùng vĩ như các quốc ca, hành khúc diễu binh, nhiều bài hát ca ngợi lãnh tụ... hoặc diễn tả những tình cảm trữ tình qua các tác phẩm nhạc nhẹ, nhạc hoà tấu.

Nhịp $\frac{3}{8}$ là loại nhịp đơn giản giống nhịp $\frac{3}{4}$ nhưng mỗi phách là một nốt đơn. Nhịp $\frac{3}{8}$ thường dùng cho bài hát, bản nhạc thể hiện tính chất vui hoạt, náo nhiệt. Ở tốc độ nhanh gõ vào phách đầu còn lần hai phách sau.

Nhịp $\frac{6}{8}$ là loại nhịp phức gồm hai phách lớn, mỗi phách bằng một nốt $\frac{6}{8}$, thường dùng trong các bài có âm điệu nhịp nhàng, uyển chuyển, êm đềm, nhẹ nhàng, tưng bừng, sôi nổi.

IV. NHỊP BIẾN ĐỔI

Nhịp biến đổi là loại nhịp có sự thay đổi số lượng phách trong ô nhịp. Khi luân phiên không đều, ký hiệu của các loại nhịp viết ngay trong bản nhạc trước chỗ cần thay đổi loại nhịp.

Ví dụ 37:

MIỀN NAM CỦA EM

Hoàng Nguyễn

Chú ơi chú bao giờ bao giờ cho em hái
dừa hái dừa hái xoài đào khoai gửi sang Đàng Đức mới

The musical score for 'MIỀN NAM CỦA EM' is written in a single system with two staves. The first staff is in 2/4 time and the second staff is in 3/4 time. The key signature has one flat (B-flat). The lyrics are written below the notes.

Ví dụ 38:

HÒA THƠM BƯỚM LỢN

Dân ca Quan họ Bắc Ninh

Bướm lợn là bướm ối à nó
bay. Bướm đao là bướm ối à nó
bay

The musical score for 'HÒA THƠM BƯỚM LỢN' is written in a single system with three staves. The first staff is in 2/4 time and the second staff is in 3/4 time. The key signature has one sharp (F#). The lyrics are written below the notes.

V. ĐẢO PHÁCH - NGHỊCH PHÁCH

1. Đảo phách (nhấn lệch)

Đảo phách là kiểu nối tiếp tiết tấu mà trong đó trọng âm tiết tấu không trùng hợp với trọng âm tiết nhịp. Đảo phách thường gặp

trong âm nhạc, nó xuất hiện ngân vang sang phách mạnh tiếp sau. Kết quả là trọng âm chuyển sang phách nhẹ của nhịp.

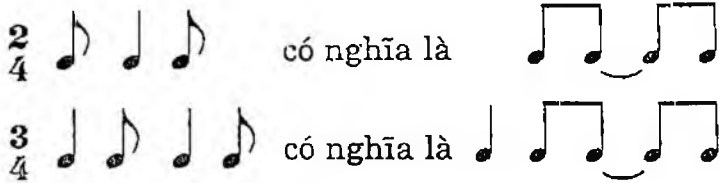
Bắt đầu từ phách yếu kéo dài sang phách mạnh sau:

Ví dụ 39:



Đảo phách có khi là phần yếu của phách trước kéo dài sang phần mạnh của phách sau.

Ví dụ 40:



Những hình thức đảo phách cơ bản:

- Đảo phách từ ô nhịp này sang ô nhịp khác.
- Đảo phách trong phạm vi một ô nhịp.

Đảo phách từ ô nhịp này sang ô nhịp kia ghi bằng hai nốt nối lại với nhau bằng dấu nối qua vạch nhịp.

Ví dụ về các hình thức đảo phách:

- Đảo từ ô nhịp này sang ô nhịp khác.

Ví dụ 41:

MƯA RƠI

Dân ca Xá

Mưa rơi cho cây tốt tươi búp chen là trên cành
Rừng đẹp chầm hoa rung rinh theo gió bướm tung

- Đảo trong phạm vi một ô nhịp:

Ví dụ 42:

EM THÊM MỘT TUỔI

Trương Quang Lục

Musical notation for the song "Em Thêm Một Tuổi" by Trương Quang Lục. The notation is in treble clef, key of D major (one sharp), and 2/4 time. It consists of a single staff with lyrics written below the notes.

Em sẽ là bạn tốt Em sẽ là con ngoan

- Có thể gặp hai hình thức đảo phách trong một bài:

Ví dụ 43:

LÝ HOÀI NAM

Dân ca Quảng Trị - Thừa Thiên

Musical notation for the song "Lý Hoài Nam" by Dân ca Quảng Trị - Thừa Thiên. The notation is in treble clef, key of D major (one sharp), and 2/4 time. It consists of two staves with lyrics written below the notes.

Úc ức con vượn trèo là là trèo con vượn
trèo kia bên kia ơi hơi

2. Nghịch phách

Nghịch phách là hình thức đảo phách hình thành sau dấu lặng ở phách có trọng âm (phách mạnh hoặc phần mạnh rơi vào dấu lặng):

Musical notation illustrating a reversed accent. It shows a 2/4 time signature, a quarter rest, followed by a quarter note and an eighth note.

Ví dụ 44:

RU CON

Dân ca Nam Bộ

Hỡi chàng chàng ơi Hỡi người người
 ơi Em nhớ tôi chàng em nhớ tôi
 chàng nín nín đi

VI. NHỊP ĐỘ, MÁY GÕ NHỊP

Nhịp độ là tốc độ chuyển động. Trong âm nhạc, nhịp độ là một trong các phương tiện diễn cảm, phụ thuộc vào nội dung tác phẩm âm nhạc. Các danh từ chỉ nhịp độ chủ yếu dùng tiếng Italia được chia thành ba nhóm cơ bản: chậm, vừa, nhanh.

Loại nhịp độ	Tiếng Italia	Phiên âm	Ý nghĩa
CHẠM	Largo	Lác-gô	Rộng rãi
	Lento	Len-tô	Chậm rãi
	Adagio	A-đa-gi-tô	Chậm thong thả
	Grave	Gra-v'	Chậm nặng nề
VỪA	Andante	Ăng-đăng-l'	Thanh thản không vội
	Andantino	Ăng-đăng-ti-nô	Nhanh hơn andante
	Moderato	Mô-đê-ra-tô	Vừa phải
	Allegretto	Alê-grét-tô	Sinh động
NHANH	Allegro	Alei-grô	Nhanh
	Vivace	Vì-va-x'	Rất nhanh
	Presto	Prex-tô	Nhanh hơi há

Để tăng cường tính diễn cảm khi biểu diễn tác phẩm âm nhạc, hay một bài hát nào đó, người ta dùng hình thức tăng nhanh hoặc giảm lại tốc độ chuyển động chung.

- Rit. (ritenuto): ghìm lại
- Rall. (rallentando): chậm lại
- Animando: hào hứng
- Stretto: cô đọng, dồn lại.

Để trở lại nhịp độ ban đầu, người ta dùng:

A tempo: vào nhịp.

Để quy định nhịp độ chính xác, thống nhất quốc tế, người ta dùng một dụng cụ gọi là Mê-trô-nôm (máy gõ nhịp). Ký hiệu M.M nghĩa là Mê-trô-nôm của Menxen (tên người sáng chế).

VII. CÁCH BẮT NHỊP (CHỈ HUY)

Chỉ huy theo nghĩa rộng là điều khiển hợp xướng dàn nhạc biểu diễn tác phẩm âm nhạc.

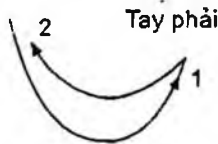
Trong hát hoặc xướng âm, cách bắt nhịp chỉ ra sự chuyển phách trong ô nhịp và xác định nhịp độ của tác phẩm.

1. Nhịp hai phách

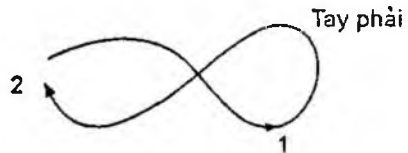
Gồm các loại nhịp đơn $\frac{2}{4}$, $\frac{2}{4}$, $\frac{2}{8}$ chia làm hai phách được quy định bởi hai động tác xuống và lên ngược nhau. Động tác thứ nhất là phách mạnh đi xuống, động tác thứ hai là phách nhẹ đi lên.



Hướng đi



Cách tạo đường nét khi vung tay

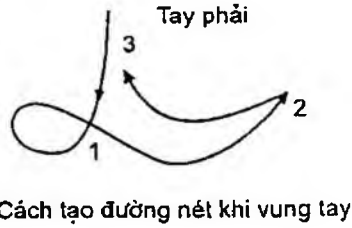
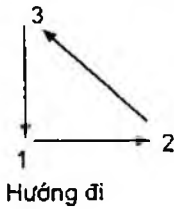


Nhịp $\frac{6}{8}$ ở tốc độ nhanh bắt nhịp giống nhịp hai phách gần giống hình số tám nằm ngang, mỗi phách bằng một nốt đen chấm.

2. Nhịp ba phách

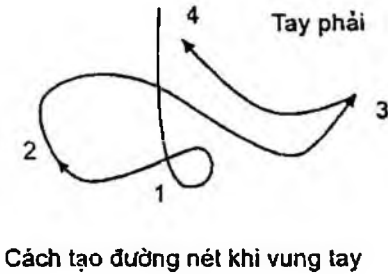
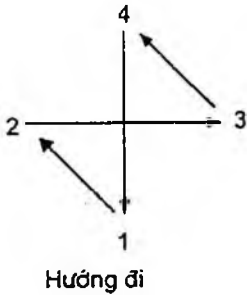
Các nhịp đơn $\frac{3}{4}$, $\frac{3}{8}$ có ba phách, động tác của phách một rơi từ

trên xuống, phách hai sang
lên phía trên gần điểm xuất phát.



3. Nhịp bốn phách

Thường gặp là loại nhịp $\frac{4}{4}$ (ngoài ra có thể có nhịp $\frac{4}{2}$, $\frac{4}{8}$...). Động tác của nhịp bốn phách nhằm về bốn hướng: trên xuống, sang trái, sang phải và lên.



Trong tất cả các loại nhịp trên, tay trái có hướng đi ngược lại.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Hãy phân biệt cách phân chia độ dài cơ bản và độ dài tự do.

Cho ví dụ.

2. Hãy phân biệt tiết tấu và tiết nhịp.

3. Hãy nói về loại nhịp và ý nghĩa của các con số ghi loại nhịp.

Cho ví dụ.

4. Hãy nêu ý nghĩa chung của một số loại nhịp thường gặp.

Lấy ca khúc làm ví dụ.

5. Thế nào là nhịp đơn, nhịp phức? Cho ví dụ.

6. Thế nào là nhịp biến đổi? Cho ví dụ.

7. Thế nào là đảo phách, nghịch phách? Nêu các loại đảo phách. Tìm ví dụ trong ca khúc.

BÀI THỰC HÀNH

1. Tập phân nhóm tiết tấu trong bài: *Cháu vẫn nhớ trường Mầm non* - Hoàng Lê; *Con cò cánh trắng* - Xuân Giao; *Đuối chim* - Việt Anh; *Khúc hát ru của người mẹ trẻ* - Phạm Tuyên.

2. Đánh dấu các trọng âm (phách mạnh) trong các bản nhạc nhịp $\frac{2}{4}$, $\frac{3}{4}$, $\frac{3}{8}$, $\frac{4}{4}$ ở phần xướng âm hoặc trong các bài hát.

Chương ba

QUÃNG

I. QUÃNG LÀ GÌ

Quãng trong âm nhạc là khoảng cách giữa hai nốt (hai âm thanh) nối tiếp hoặc cùng xuất hiện một lúc.

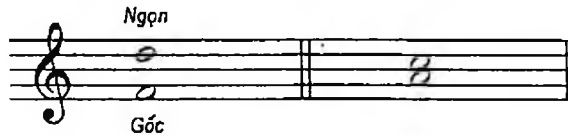
Quãng do hai nốt nối tiếp nhau gọi là quãng giai điệu.

Ví dụ 45:



Quãng do hai nốt cùng xuất hiện, âm thanh phát ra đồng thời gọi là quãng hoà thanh (hoà âm).

Ví dụ 46:



Âm dưới của quãng gọi là âm gốc, âm trên gọi là âm ngọn.

Sự chuyển động của giai điệu tạo ra những quãng đi lên và đi xuống.

Ví dụ 47:

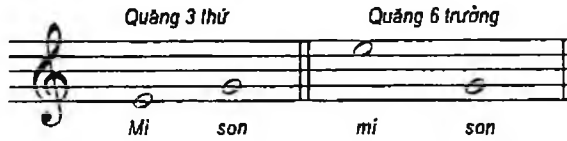
CON MÈO RA BỜ SÔNG

Vừa phải - dĩ dờm Hoàng Hà

Một con mèo ra bờ sông Meo! Này chứ xuống sông

Tất cả các quãng hoà thanh và quãng giai điệu đi lên đều đọc từ gốc lên. Các quãng giai điệu đi xuống đọc từ trái sang phải, đồng

thời quãng giai điệu phải nhắc cả hướng chuyển động. Ví dụ: đọc mi - son là quãng ba thứ, nhưng đọc mi - son đi xuống lại là một quãng khác - quãng sáu trưởng. Nếu dùng tên gọi các bậc có dấu thanh điệu thì không cần đọc hướng đi lên, đi xuống mà vẫn rõ ràng, vì không thể lẫn mi son với mi son.



II. TÊN QUÃNG

Tên quãng là do số bậc (nốt) nằm trong quãng, tính từ nốt gốc tới nốt ngọn (tức là nốt thấp đến nốt cao) quy định.

Ví dụ 48:



Quãng Đô - Son có 5 bậc
(nốt) nên gọi là quãng 5

Quãng Mi - mi có 8 bậc
nên gọi là quãng 8

III. QUÃNG ĐƠN

Quãng đơn là khoảng cách từ nốt gốc tới nốt ngọn trong phạm vi một quãng tám. Có 8 loại quãng đơn.

Ví dụ 49:



IV. QUÃNG CƠ BẢN

Trong mục IV chương một đã nói, khoảng cách giữa hai bậc kề nhau có thể bằng một cung hoặc nửa cung. Do đó, một quãng hai có thể bao gồm nửa cung hoặc nguyên cung.

Ví dụ: quãng hai mi - pha bằng $1/2$ cung, quãng hai pha - son bằng một cung.

Các quãng cùng loại khác cũng không giống nhau về số lượng cung.

Ví dụ: quãng ba đô mi bằng hai cung, quãng ba rê pha bằng 1 cung $1/2$.

Vì vậy, để xác định sự khác biệt về âm thanh của các quãng cùng loại, người ta dùng các từ: thứ, trưởng, đúng, tăng, giảm sau tên quãng.

Giữa các bậc cơ bản của hàng âm (trong phạm vi quãng tám) hình thành những quãng sau đây:

Quãng một đúng = 0 cung

Quãng hai thứ = $\frac{1}{2}$ cung

Quãng hai trưởng = 1 cung

Quãng ba thứ = $1\frac{1}{2}$ cung

Quãng ba trưởng = 2 cung

Quãng bốn đúng = $2\frac{1}{2}$ cung

Quãng bốn tăng = 3 cung

Quãng năm giảm = 3 cung

Quãng năm đúng = $3\frac{1}{2}$ cung

Quãng sáu thứ = 4 cung

Quãng sáu trưởng = $4\frac{1}{2}$ cung

Quãng bảy thứ = 5 cung

Quãng bảy trưởng = $5\frac{1}{2}$ cung

Quãng tám đúng = 6 cung



(Viết tắt, thứ là t; trưởng là T)

Tất cả các quãng kể trên là quãng cơ bản hay còn gọi là quãng đi-a-tô-nich vì chúng nằm giữa các bậc của điệu trưởng tự nhiên và điệu thứ tự nhiên.

Các quãng đi-a-tô-nich đều có thể được cấu tạo từ các bậc cơ bản với nhau, các bậc cơ bản với các bậc chuyển hoá, hoặc các bậc chuyển hoá với nhau.

Ví dụ 50:



Quãng đi-a-tô-nich là cơ sở của giai điệu. Do kết hợp thành những quãng giai điệu theo các kiểu nối tiếp khác nhau mà chuyển động của giai điệu có sự diễn cảm đa dạng.

Ví dụ 51:

NẮNG THUỖ TINH

Êm dịu

Trịnh Công Sơn

Màu nắng hay là màu mắt em Mùa thu mưa bay cho lay
mém Chiều nghiêng nghiêng bóng nắng qua thêm Rồi có hôm nào mây bay

The musical score is written on two staves in treble clef with a key signature of two sharps (F# and C#) and a 7/8 time signature. The melody is simple and lyrical, with lyrics written below the notes.

Ví dụ 52:

EM LÀ CHIM CÂU TRẮNG

Tươi mát - nhịp nhàng

Trần Ngọc

Em như chim bồ câu tung cánh giữa trời
Em như chim bồ câu trắng bay giữa trời

The musical score is written on two staves in treble clef with a key signature of one flat (F) and a 2/4 time signature. The melody is light and rhythmic, with lyrics written below the notes.

Ví dụ 53:

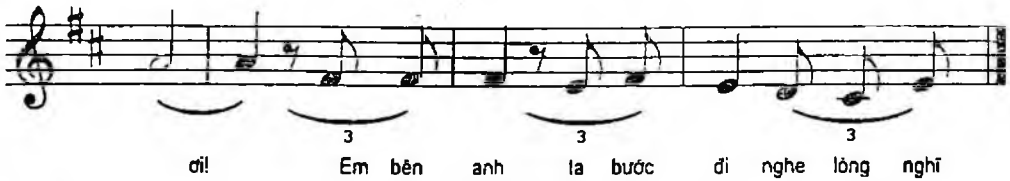
HÀ NỘI MÙA THU

Trong sáng - tha thiết

Vũ Thanh

Dáng vóc của thu đỏ, ôi sao yêu quý Hà Nội

The musical score is written on one staff in treble clef with a key signature of two sharps (F# and C#) and a 4/4 time signature. The melody is expressive, with a triplet of eighth notes on the word 'sao' indicated by a '3' above the notes. Lyrics are written below the notes.



V. QUANG CROMATIC - QUANG TANG, QUANG GIAM

Mỗi quăng đi-a-tô-nich (quăng cơ bản) đều có thể nâng cao hoặc hạ thấp nửa cung.

1. Quăng tăng

Quăng tăng được tạo nên do nâng cao nốt ngọn hoặc hạ thấp nốt gốc của quăng đúng, quăng trưởng.

Do nâng cao nốt ngọn:

Ví dụ 54:



Hoặc do hạ thấp nốt gốc:



Ngoài ra, từ các quăng 2 trưởng, 6 trưởng, 7 trưởng và từ các quăng 5 đúng, 8 đúng đều có thể tạo ra các quăng tăng.

2. Quăng giảm

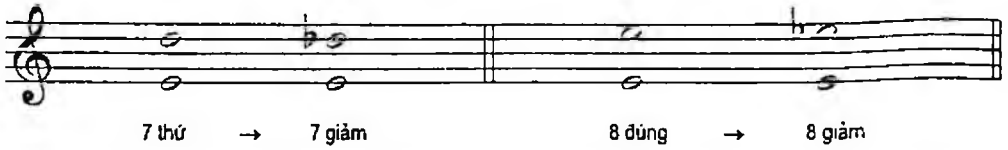
Quăng giảm được tạo nên do nâng cao nốt gốc hoặc hạ thấp nốt ngọn của quăng đúng và quăng thứ.

Do nâng cao nốt gốc:

Ví dụ 55:



Hoặc do hạ thấp nốt ngọn :



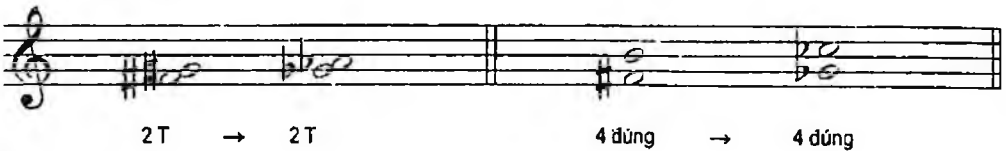
Quãng một đúng là trường hợp ngoại lệ, không thể giảm được.

Quãng bốn tăng và năm giảm (quãng ba cung) là những quãng diatônich. Còn lại các quãng tăng, giảm trên gọi là quãng crômatic.

VI. QUÃNG TRÙNG ÂM

Là các quãng có âm thanh vang lên giống nhau nhưng tên bậc khác nhau.

Ví dụ 56:



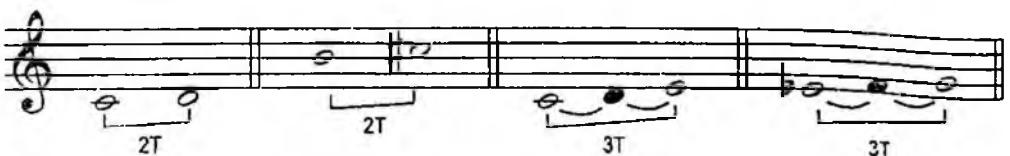
VII. CÁCH TÍNH CÁC QUÃNG ĐƠN

Tên một quãng do số bậc chỉ rõ, nhưng mỗi quãng còn mang tính chất riêng của nó. Ví dụ cũng là quãng 5 nhưng có quãng 5 đúng, quãng 5 giảm, quãng 5 tăng. Hay cũng là quãng 3 nhưng có quãng 3 trưởng, quãng 3 thứ, quãng 3 tăng, quãng 3 giảm.

Có nhiều quãng khác nhau, do đó muốn tính nhanh quãng ta cần nhớ một số điểm cơ bản.

1. Các quãng 2 trưởng, 3 trưởng không có nửa cung nào nằm ở giữa (tính từ nốt gốc đến nốt ngọn):

Ví dụ 57:



Nếu có một nửa cung ở giữa thì trưởng thành thứ:



2. Những quãng đúng (4, 5, 8) và các quãng trưởng (2, 3, 6, 7) nếu có thêm một dấu thăng ở nốt ngọn hoặc một dấu giáng ở nốt gốc thì các quãng đúng hoặc trưởng đó sẽ trở thành quãng tăng (đã nêu ở mục 5).

Ngược lại, nếu có thêm dấu thăng ở nốt gốc hoặc có thêm dấu giáng ở nốt ngọn thì những quãng đúng sẽ thành những quãng giảm, trưởng sẽ thành thứ.

Chú ý khi tính:

Dấu thăng nằm ở nốt gốc tức ngắn lại nửa cung.

Dấu thăng nằm ở nốt ngọn tức dài thêm nửa cung.

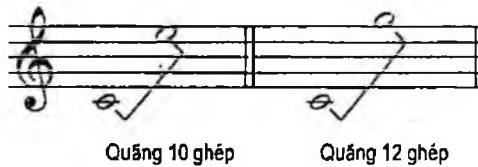
Dấu giáng nằm ở nốt gốc tức dài thêm nửa cung.

Dấu giáng nằm ở nốt ngọn tức ngắn lại nửa cung.

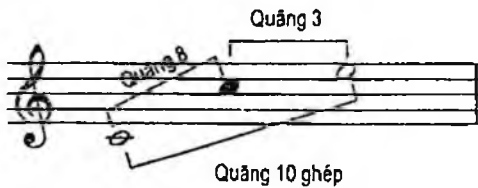
VIII. QUÃNG GHÉP - ĐẢO QUÃNG

1. **Quãng ghép:** Quãng 8 hoặc (2, 3 quãng 8) cộng thêm một quãng đơn nào đó gọi là quãng ghép.

Ví dụ 58:



Muốn tính các quãng ghép, ta cộng quãng 8 và quãng đơn đôi thêm rồi trừ một.



Quãng ghép trên gồm một (- mi). Ta cộng 8 với 3 rồi trừ đi 1 ($8 + 3 - 1 = 10$). Như vậy đó là quãng 10. Quãng ghép đó là trưởng, thứ, tăng hay giảm là do quãng đơn quyết định. Trong ví dụ trên, ta thấy quãng đơn là quãng trưởng. Vậy quãng 10 đó là quãng 10 trưởng.

2. Đảo quãng

Đảo quãng là sự chuyển vị trí của nốt gốc lên một quãng 8 hoặc chuyển nốt ngọn xuống một quãng 8. Do đảo quãng mà ta có quãng mới.

Ví dụ 59:

Chuyển âm gốc lên một quãng 8:



Chuyển âm ngọn xuống một quãng 8:



Theo nguyên tắc, các quãng đảo có quan hệ với nhau như sau:

Quãng đúng đảo thành đúng.

Quãng thứ đảo thành trưởng.

Quãng tăng đảo thành giảm.

- Quãng giảm đảo thành tăng.

Tổng số cung của các quãng đảo lẫn nhau bao giờ cũng là sáu cung. Ví dụ:

Quãng ba trưởng (2 cung) đảo thành quãng sáu thứ (4 cung).

Quãng bốn đúng (2,5 cung) đảo thành năm đúng (3,5 cung)...

Riêng quãng tám tăng là ngoại lệ vì nó không có dạng đảo.

Cộng quãng chưa đảo và quãng đảo bao giờ cũng bằng 9. Muốn đảo quãng 3 trưởng ta sẽ được quãng 6 thứ. Muốn đảo quãng 4 đúng ta sẽ được quãng 5 đúng. Đảo quãng 7 trưởng thành 2 thứ (ví dụ trên).

1K. QUĂNG THUẬN VÀ QUĂNG NGHỊCH

Các quăng loại thanh đi-a-tô-nich chia thành quăng thuận và quăng nghịch. Khái niệm thuận trong âm nhạc có nghĩa là âm thanh vang lên hoà hợp êm tai. Khái niệm nghịch là âm thanh vang lên không hoà hợp mà gay gắt.

1. Quăng thuận

Quăng một đúng	Thuận rất hoàn toàn
Quăng tám đúng	
Quăng bốn đúng	Thuận hoàn toàn
Quăng năm đúng	
Quăng ba thứ	
Quăng ba trưởng	Thuận không hoàn toàn
Quăng sáu thứ	
Quăng sáu trưởng	

2. Quăng nghịch

- Quăng hai thứ
- Quăng hai trưởng
- Quăng bốn tăng
- Quăng năm giảm
- Quăng bảy thứ
- Quăng bảy trưởng.

Nguyên tắc: Quăng thuận đảo thành quăng thuận, quăng nghịch đảo thành quăng nghịch.

Thứ ↔ trưởng

Tăng ↔ giảm

Đúng ↔ đúng.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Quăng là gì? Quăng hoà thanh và quăng giai điệu khác nhau như thế nào?
2. Đọc quăng như thế nào?

3. Quãng như thế nào là quãng ?
4. Thế nào là quãng trùng âm?
5. Hãy nêu cách thành lập quãng tăng và quãng giảm. Ví dụ.
6. Gọi tên các quãng thuận, quãng nghịch. Nguyên tắc đảo quãng.

BÀI TẬP THỰC HÀNH

1. Đọc tất cả các quãng đơn đi lên và đi xuống từ các bậc cơ bản, lấy giá trị số lượng của quãng làm chỗ dựa, ví dụ quãng ba đi lên: đô - mi, rê - pha...; quãng bốn đi xuống: đô-son, xi-pha.
2. Trên một nốt bất kỳ, hãy thành lập các quãng trưởng, thứ, đúng, tăng, giảm.

Chương bốn

ĐIỆU THỨC VÀ GIỌNG

I. KHÁI NIỆM VỀ ĐIỆU THỨC, ĐIỆU THỨC TRƯỞNG, ĐIỆU THỨC THỨ

1. Khái niệm về điệu thức

Khi nghe hoặc biểu diễn một tác phẩm âm nhạc, chúng ta thấy giữa các âm thanh hợp thành tác phẩm đó có những mối tương quan nhất định. Trong quá trình phát triển giai điệu âm nhạc, một số âm thanh nổi lên như các âm tựa. Giai điệu thường kết thúc ở một trong những âm tựa đó.

Ví dụ 60:

CON CHIM NON

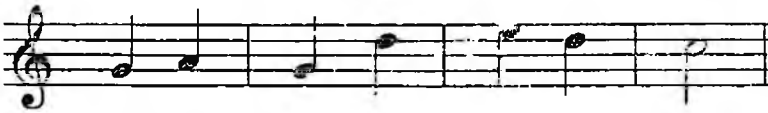
Lý Trọng



Con chim non lên cành hoa! Hót véo von
Chim ơi chim chim đừng bay! Hót nữa đi



Hót véo von Em yêu chim, em mến chim
hót nữa đi Em yêu chim, em mến chim



Vì mỗi lần chim hót em vui
vì mỗi lần chim hót em vui

Trong 8 nhịp đầu (câu 1) có các âm tựa là $\text{la} \text{ re} \text{ mi}$ và sol và 8 nhịp sau (câu 2) là $\text{đô} \text{ mi} \text{ son} \text{ đô}$. Cả bài gồm ba âm tựa là $\text{đô} \text{ mi} \text{ son}$. Các âm tựa là những âm ổn định vì kết thúc giai điệu bằng âm tựa tạo cảm giác ổn định, yên tĩnh. Có một trong các âm ổn định thường nổi lên rõ hơn các âm khác, là điểm tựa chủ yếu gọi là âm chủ.

Trong ví dụ trên âm chủ là âm đô .

Những âm còn lại trong giai điệu gọi là những âm không ổn định. Các âm không ổn định có đặc tính là bị hút về các âm ổn định. Sức hút giữa âm không ổn định về âm ổn định là quãng hai.

Ví dụ 61:

HOA BÉ NGỎN

Vừa phải - Tinh cảm

Hoàng Văn Yến

The musical score for 'HOA BÉ NGỎN' is written in treble clef with a 2/4 time signature. It consists of three lines of music. The first line starts with a repeat sign. The notes are: $\text{la}^{\text{>}}$, re , mi , sol , đô , mi , son , đô . The second line continues: đô , re , mi , sol , đô , mi , son , đô . The third line includes first and second endings. The notes are: đô , re , mi , sol , đô , mi , son , đô . The first ending is boxed and leads to the second ending. The notes in the first ending are: đô , re , mi , sol , đô . The notes in the second ending are: đô , re , mi , sol , đô . The score uses accents (>) to mark the stable notes (la, son, and the final do).

Trong ví dụ này, các âm ổn định (âm tựa) là $\text{son} \text{ mi} \text{ đô}$ (chúng được đánh dấu >). Các âm không ổn định bị hút về chúng: la về son , rê về đô hoặc về mi .

Ví dụ 62:

SẮP ĐẾN TẾT RỒI

Hoàng Văn

The musical score for 'SẮP ĐẾN TẾT RỒI' is written in treble clef with a 2/4 time signature. It consists of a single line of music. The notes are: đô , re , mi , sol , đô , mi , son , đô , mi , son , đô . The score uses accents (>) to mark the stable notes (đô, son, and the final đô).

Trong ví dụ này có thêm âm pha hút về mi.

Việc : huyền âm không ổn định về âm ổn định gọi là sự giải quyết. Ta thấy rõ sự giải quyết của âm không ổn định ở hai ví dụ trên về âm ổn định khi âm rê về đô ở cuối bài (âm chủ).

Từ đó có thể rút ra kết luận là trong âm nhạc, mối tương quan về độ cao của các âm thanh chịu sự chi phối của một hệ thống nhất định.

Hệ thống các mối tương quan giữa âm ổn định và không ổn định gọi là Điệu thức. Cơ sở của mỗi giai điệu nói riêng và của tác phẩm âm nhạc nói chung bao giờ cũng là một điệu thức nhất định. Điệu thức cùng với những phương tiện diễn cảm khác tạo cho âm nhạc một tính chất nhất định, phù hợp với nội dung của nó.

2. Điệu thức trưởng, gam trưởng tự nhiên

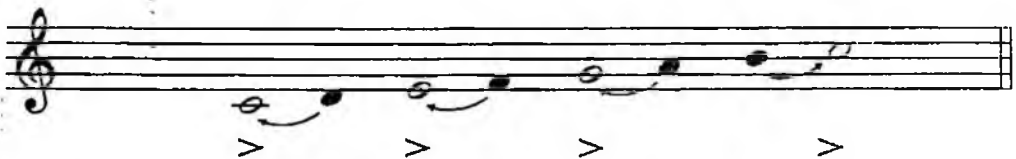
Âm nhạc dân gian có nhiều dạng điệu thức, nhưng trong âm nhạc nói chung được sử dụng rộng rãi hơn cả là các điệu thức trưởng và thứ.

a. *Điệu thức trưởng*: là điệu thức trong đó những âm ổn định (ngân vang nối tiếp nhau hoặc cùng một lúc) tạo thành hợp âm ba trưởng.



Hợp âm ba xây dựng trên âm chủ gọi là âm ba chủ. Những âm không ổn định nằm xen kẽ giữa các âm ổn định.

Điệu trưởng gồm bảy âm thanh.



Ký hiệu điệu trưởng là "du"

b. Gam trưởng tự nhiên:

Sự sắp xếp các âm thanh của điệu thức theo thứ tự độ cao bắt đầu từ âm chủ đến âm chủ quãng tám tiếp theo gọi là gam. Các âm hợp thành gam gọi là các bậc.

Mỗi gam (trưởng hoặc thứ) có bảy bậc, ký hiệu bằng số La mã: I, II, III, IV, V, VI, VII.

Các bậc của điệu trưởng nối tiếp nhau theo quãng hai. Thứ tự các bậc và các quãng hai như sau:

2T 2T 2t 2T 2T 2t

The image shows a musical staff with a treble clef. The notes of the natural major scale are written: C (Cung), D (1c), E (1c), F (1/2c), G (1c), A (1c), B (1c), and C (1/2c). Below the staff, the intervals between notes are indicated: 2T (C-D), 2T (D-E), 2t (E-F), 2T (F-G), 2T (G-A), and 2t (A-B). The notes are labeled with their scale degrees: I, II, III, IV, V, VI, VII (I).

Cung	1c	1c	1/2c	1c	1c	1c	1/2c
Bậc	I	II	III	IV	V	VI	VII (I)

Gam có trình tự sắp xếp các bậc như trên gọi là gam trưởng tự nhiên.

Ngoài ký hiệu bằng chữ số La mã, mỗi bậc còn có tên riêng chỉ chức năng của nó trong điệu thức:

Bậc I: âm chủ (T)

Bậc II: âm dẫn đi xuống

Bậc III: âm trung

Bậc IV: âm hạ át (S)

Bậc V: âm át (D)

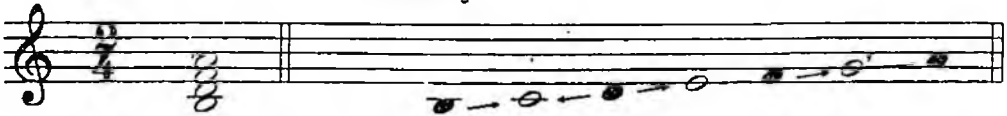
Bậc VI: âm hạ trung

Bậc VII: âm dẫn đi lên (âm cảm)

Các âm chủ (T), hạ át (S), át (D) gọi là những bậc chính, còn lại là những bậc phụ.

Trong điệu trưởng (gam trưởng), các bậc ổn định là I, III, V. Các bậc không ổn định là II, IV, VI, VII. Hướng bị hút của các âm không ổn định như sau:

Đồ Trường



Những âm
không ổn định

Cung
Bậc

1/2c
VII

1c
I

1c
II

1/2c
III

1c
IV

1c
V

1c
VI

Các ví dụ về sự giải quyết các âm không ổn định:

Ví dụ 63:

BÀI CA MÙA XUÂN

Vui vẻ

V. Mōda



Ví dụ 64:

HÁT RU

Thanh thản

V. Mōda



Ví dụ 65:

RU EM

Dân ca Xê Đăng

Musical notation for 'RU EM' in 2/4 time, key of D major. The first staff shows a melody starting on G4. The second staff shows a similar melody with harmonic changes labeled 'VII -> I' above the notes.

3. Điệu thức thứ, gam thứ tự nhiên

a. *Điệu thức thứ*: là điệu thức trong đó các âm ổn định tạo thành hợp âm ba thứ.

Cũng như điệu trưởng, điệu thứ gồm bảy bậc, ký hiệu điệu thứ là "moll".

b. *Gam thứ tự nhiên*:

Gam của điệu thứ khác điệu trưởng ở sự nối tiếp các quãng hai. Thứ tự các quãng hai trong gam thứ tự nhiên như sau:

2T 2t 2T 2T 2t 2T 2T

Cung	1c	1/2c	1c	1c	1/2c	1c	1c
Bậc	I	II	III	IV	V	VI	VII (0)

Vị trí các âm không ổn định trong điệu thứ tự nhiên khác với điệu trưởng: bậc II về III, VI về V. Các âm dẫn hút về âm chủ là một

cung. Hướng của các âm không ổn định trong gam thứ tự nhiên như sau: La thứ

Cung VII I II III IV V VI
 1c 1c 1/2c 1c 1c 1/2c

Bài hát viết ở gam thứ tự nhiên:

Ví dụ 66:

AI YÊU BÁC HỒ CHÍ MINH HƠN THIẾU NIÊN NHI ĐỒNG

Vừa phải - tha thiết

Phong Nhã

Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn chúng em nhi

đồng Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn chúng em nhi đồng

II. GIỌNG

Điệu trưởng hay điệu thứ tự nhiên có thể được xây dựng từ bất cứ bậc nào của hàng âm với điều kiện giữ nguyên hệ thống sắp xếp các bậc như đã nêu ở mục trên.

1. Giọng

Giọng là độ cao dựa vào để sắp xếp điệu thức, tên của giọng là tên của âm chủ. Tên gọi của giọng bao gồm ký hiệu của âm chủ và của điệu thức. Ký hiệu âm chủ theo hệ thống chữ cái C D E...

Ví dụ: Điệu trưởng được xây dựng từ âm Đô gọi là Đô trưởng (C dur); điệu thứ xây dựng từ âm La gọi là La thứ (a moll)¹.

2. Sự hình thành các giọng thuộc điệu trưởng

Từ bất cứ một âm nào (của hàng âm) ta có thể thành lập được điệu trưởng theo lần lượt số bậc, số cung như sau:

1 cung 1 cung $\frac{1}{2}$ cung 1 cung 1 cung 1 cung $\frac{1}{2}$ cung
 I II III IV V VI VII (I)

Công thức là:

$$2\frac{1}{2} \text{ cung} + 3\frac{1}{2} \text{ cung}$$

Theo công thức trên, ngoài giọng Đô trưởng không có dấu hoá, các giọng trưởng còn lại phải điều chỉnh các dấu hoá (cùng thăng hoặc cùng giáng) ở các âm sao cho phù hợp với số cung và nửa cung giữa các bậc.

Mỗi quãng tám chia 12 phần bằng nhau, trên mỗi âm đó có thể thành lập một giọng trưởng. Như vậy, có 12 giọng trưởng.

Ví dụ a: Từ âm rê thành lập giọng rê trưởng.

I II III IV V VI VII (I)

Ví dụ b: Từ âm rê giáng thành lập giọng rê giáng trưởng.

I II III IV V VI VII (I)

¹ Theo hệ thống chữ cái, ký hiệu chữ in là Trưởng, chữ thường là Thứ.

a. Các giọng trưởng có dấu thăng và giáng

Từ sự hình thành các giọng trưởng trên tạo nên hai loại: các giọng trưởng có dấu thăng và các giọng trưởng có dấu giáng. Dấu hoá ở các giọng ấy viết cạnh khoá và được gọi là dấu hoá theo khoá.

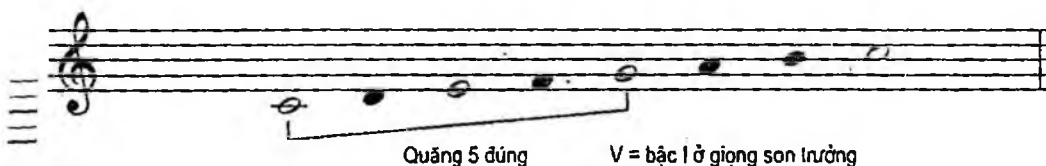
Các giọng trưởng có dấu thăng: trên-hoá-biểu các dấu thăng cách nhau một quãng năm đúng theo hướng đi lên. Dấu thăng đầu tiên trên hoá biểu ở vị trí nốt pha (pha thăng). Các dấu thăng trên hoá biểu sẽ theo thứ tự sau:



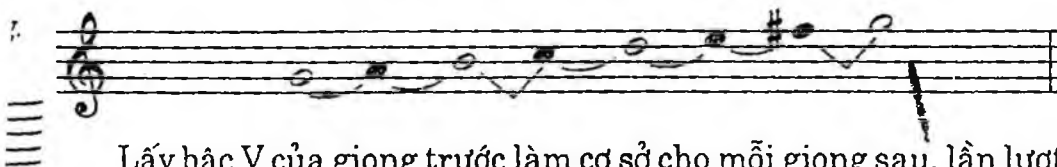
Đó là: pha thăng, đô thăng, son thăng, rê thăng, la thăng, mi thăng, xi thăng.

Giọng trưởng có một dấu thăng (pha thăng) là giọng son trưởng. Bậc I của giọng son trưởng cao hơn bậc I của giọng đô trưởng một quãng 5 đúng ở vào bậc V (át) của giọng đô trưởng.

Đô trưởng (C dur)



Son trưởng (G dur)



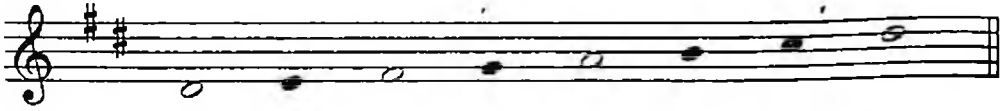
Lấy bậc V của giọng trước làm cơ sở cho mỗi giọng sau, lần lượt ta sẽ có hệ thống các giọng trưởng như sau:

Son trưởng (G dur)



L 45 son rê la mi 59

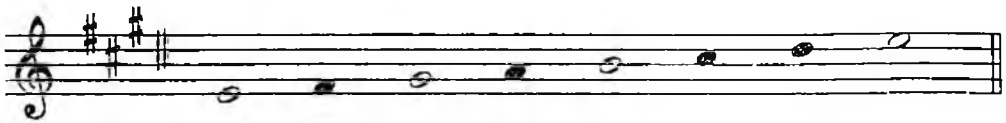
Rê trưởng (D dur)



La trưởng (A dur)



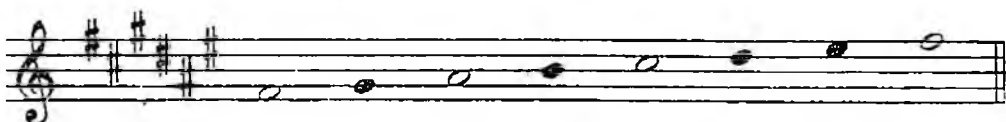
Mi trưởng (E dur)



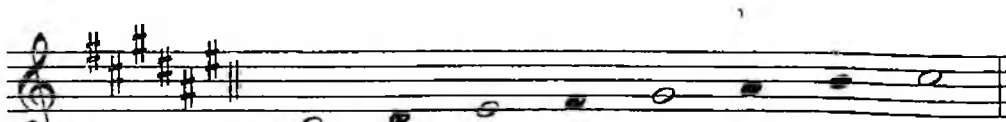
Xi trưởng (H dur)



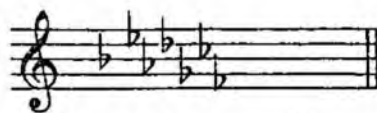
Pha thăng trưởng (F#is dur)



Đô thăng trưởng (G#is dur)



Các giọng trưởng có dấu giáng: trên hoá biểu dấu giáng có thứ tự như sau:



x mi la rê son do fa

Đó là Xi giáng, mi giáng, la giáng, rê giáng, son giáng, đô giáng, pha giáng.

Thứ tự các dấu giáng cũng xuất hiện theo vòng quãng 5 nhưng theo quãng 5 đi xuống.

Dấu giáng đầu tiên trên hoá biểu ở vị trí nốt Xi (xi giáng). Giọng có một dấu giáng là pha trưởng. Bậc I của giọng pha trưởng thấp hơn bậc I của giọng đô trưởng một quãng 5 đúng và ở vào bậc IV (hạ át) của giọng đô trưởng.

Đô trưởng

Quãng 5 đúng

IV = bậc I ở giọng pha trưởng

Pha trưởng

Nếu lấy bậc IV của giọng trước làm cơ sở cho mỗi giọng mới, lần lượt ta sẽ có hệ thống các giọng trưởng sau:

Pha trưởng (F - dur)

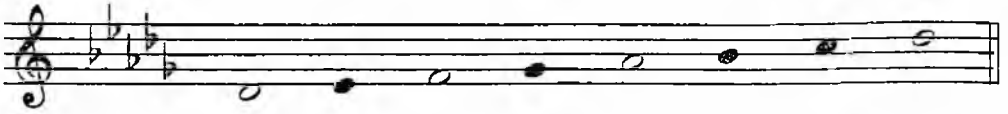
Xi giáng trưởng (B dur)

Mi giáng trưởng (E^s dur)

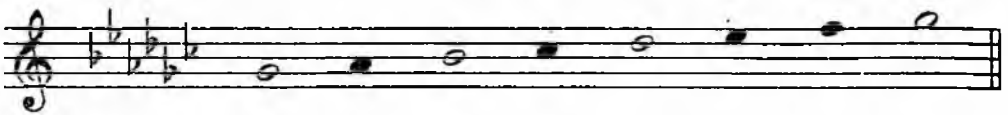
La giáng trưởng (As dur)



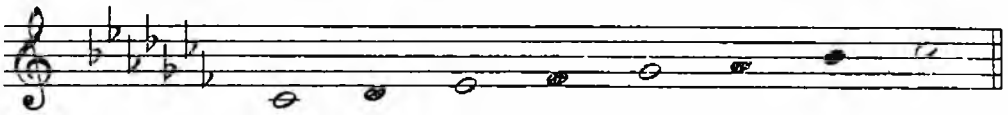
Rê giáng trưởng (Des dur)



Son giáng trưởng (Ges - dur)



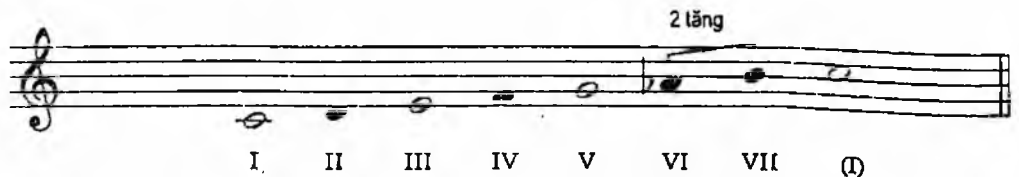
Đô giáng trưởng (Ces - dur)



b. Giọng trưởng hoà thanh và giọng trưởng giai điệu

Giọng trưởng hoà thanh: là giọng trưởng có bậc VI hạ thấp nửa cung. Do hạ thấp bậc VI xuống nửa cung nên nó càng bị hút mạnh hơn về bậc V. Dấu hoá hạ thấp bậc VI được viết trước nốt nhạc khi cần đến và được gọi là dấu hoá bất thường.

Đô trưởng hoà thanh:

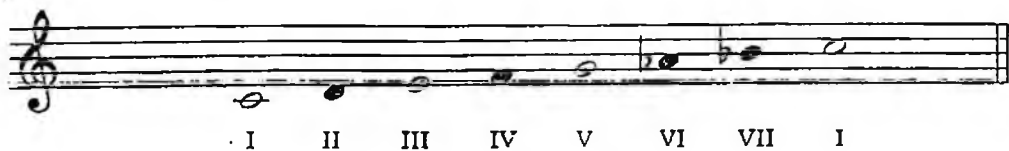


Thứ tự các quãng hai trong gam trưởng hoà thanh:

2T 2T 2t 2T 2t 2 tăng 2t

Giọng trưởng giai điệu: là giọng trưởng có các bậc VI và VII bị giáng, trong âm nhạc ít gặp.

Đô trưởng giai điệu:



Thứ tự các quãng hai trong gam trưởng giai điệu:

2T 2T 2t 2T 2t 2 T 2T

3. Sự hình thành các giọng thuộc điệu thứ

Từ bất cứ một âm nào (của các hàng âm) ta có thể thành lập được giọng thứ theo lần lượt số bậc số cung như sau:

1 cung $\frac{1}{2}$ cung 1 cung 1 cung $\frac{1}{2}$ cung 1 cung 1 cung
 I II III IV V VI VII (I)

Công thức là

$$1\frac{1}{2} \text{ cung} + 2\frac{1}{2} \text{ cung} + 2 \text{ cung}$$

Theo công thức trên, ngoài giọng la thứ không có dấu hoá, các giọng thứ còn lại phải điều chỉnh các dấu hoá phù hợp.

a. Các giọng thứ có dấu thăng và giáng:

Các giọng thứ cũng có quan hệ họ hàng với nhau như các giọng trưởng, sắp xếp theo thứ tự tăng dần dấu hoá giống các giọng trưởng, có nghĩa là theo các quãng 5 đi lên với các giọng có dấu thăng và theo các quãng 5 đi xuống với các giọng có dấu giáng.

Các giọng trưởng và thứ: có số dấu hoá theo khoá giống nhau, gọi là các giọng song song.

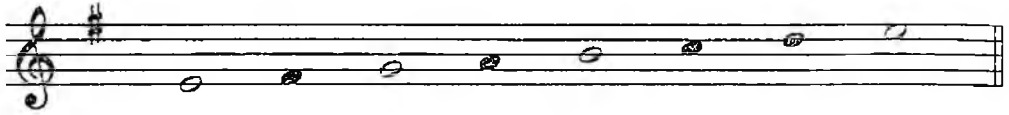




Từ ví dụ nêu trên ta thấy, âm chủ của giọng thứ song song thấp hơn âm chủ của các giọng trưởng một quãng ba thứ. Như vậy, khi biết giọng trưởng có thể dễ dàng tìm thấy giọng thứ với bất cứ số lượng dấu hoá nào.

Các giọng thứ tự nhiên có dấu thăng:

Mi thứ (e moll)



Xi thứ (h- moll)



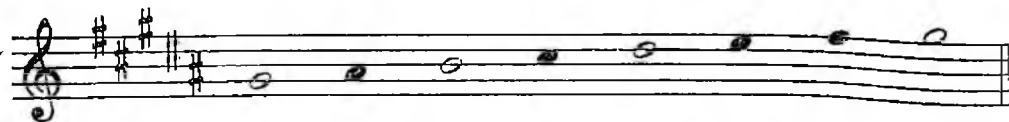
Pha thăng thứ (fis moll)



Đô thăng thứ (cis moll)



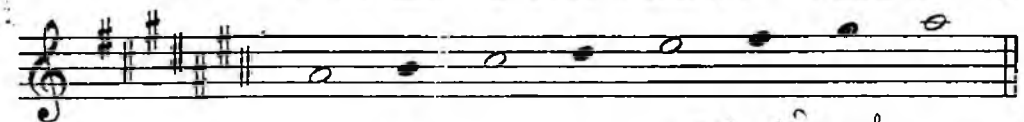
Son thăng thứ (gis moll)



Rê thăng thứ (dis moll)

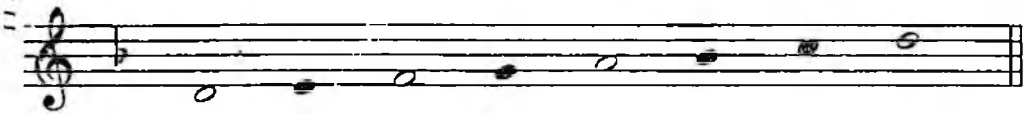


La thăng thứ (ais moll)



Các giọng thứ tự nhiên có dấu giáng:
Rê thứ (d moll).

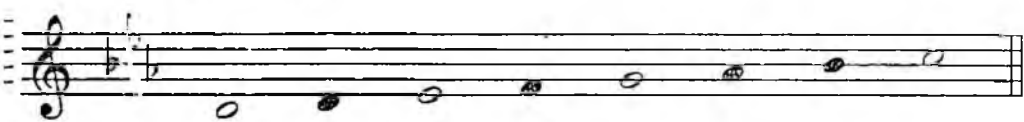
*mũi rê -> la
ni rê la son đô f*



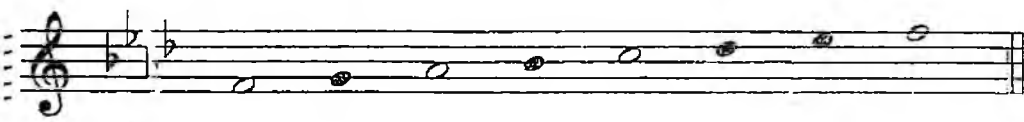
Son thứ (g moll)



Đô thứ (c- moll)



Phê thứ (f moll)

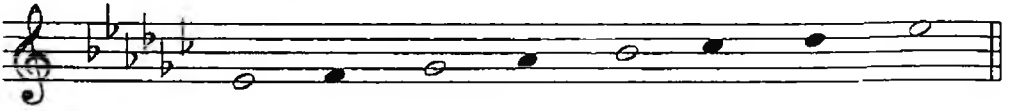


Xi giăng thứ (b moll)

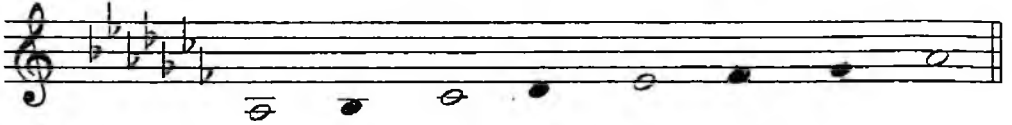


Handwritten musical notation and notes, including letters A, B, C, D, E, F, G, A, H, I, C and numbers 12, 11, 71, 72, 65, 73, 65.

Mi giáng thứ (es moll)



La giáng thứ (as moll)

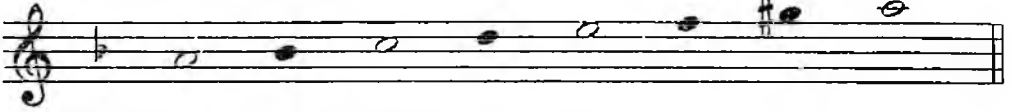


b. Giọng thứ hoà thanh và giọng thứ giai điệu

Trong quá trình phát triển âm nhạc, ngoài dạng tự nhiên các dạng thứ hoà thanh và thứ giai điệu được sử dụng rộng rãi.

Giọng thứ hoà thanh là giọng thứ tự nhiên nâng cao bậc bảy nửa cung tăng cường sức hút của âm dẫn đi lên.

La thứ hoà thanh.



Ví dụ âm nhạc ở điệu thứ hoà thanh:

Ví dụ 67:

MƠ ƯỚC NGÀY MAI

Trần Đức



Ví dụ 68:

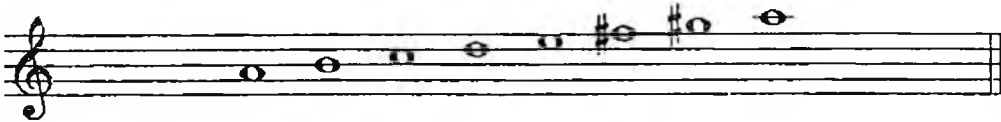
EM LÀ CHIM CÂU TRẮNG

Trần Ngọc



Giọng thứ giai điệu là giọng thứ tự nhiên có bậc VI và VII nâng cao nửa cung (ở hướng chuyển động đi lên).

La thứ giai điệu:



Âm nhạc ở giọng thứ giai điệu:

Ví dụ 69:

CHIỀU NGOẠI Ô MAX-CƠ-VA

X. Xédôi



Các giọng thứ hoà thanh (giọng thứ có dấu thăng và dấu giáng) đã bất thường) được viết trước các nốt:

Mi thứ (e-moll) ..

Xi thứ (fi-moll)

Pha # thứ (fis-moll)

Đô # thứ (cis-moll)

Son # thứ (gis-moll)

Rê # thứ. (dis-moll)

La # thứ (ais-moll)

Các giọng thứ hoà thanh và giai điệu có dấu giọng:

The image displays seven musical staves, each representing a different minor scale. Each staff is divided into two sections: 'Hoà thanh' (harmony) and 'Giai điệu' (melody). The scales are as follows:

- Rê thứ (d-moll)
- Son thứ (g-moll)
- Đô thứ (c-moll)
- Pha thứ (f-moll)
- Xi thứ (b-moll)
- Mi thứ (es-moll)
- La thứ (as-moll)




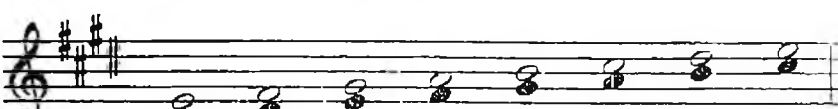
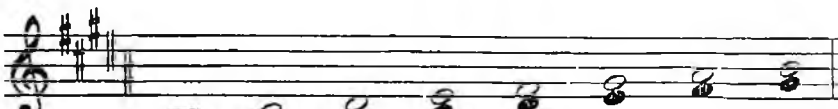
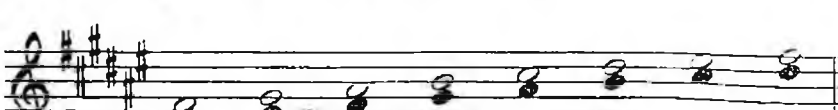
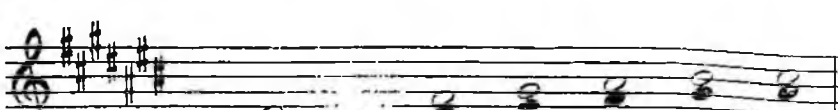
4. Các giọng song song, các giọng cùng tên, ý nghĩa của điệu trưởng và thứ trong âm nhạc

a. Các giọng song song là các giọng trưởng và thứ có số dấu hoá trên hoá biểu giống nhau.

Âm chủ của giọng thứ song song thấp hơn âm chủ của giọng

trưởng một quãng ba thứ (nói cách khác, từ giọng trưởng và đi hai bậc sẽ ra tên giọng thứ song song hoặc từ giọng thứ cộng thêm hai bậc sẽ ra tên giọng trưởng). Ví dụ: giọng đô trưởng có giọng thứ song song là la thứ.

Sau đây là bảng các giọng trưởng và thứ song song:

Trưởng / Thứ	Từ 1 đến 7 dấu thăng
G-dur (e-moll)	
D-dur (h-moll)	
A-dur (fis-moll)	
E-dur (cis-moll)	
H - dur (gis-moll)	
Fis dur (dis-moll)	
Cis dur (ais-moll)	

Trưởng

Thù

Từ 1 đến 7 dấu giáng

F dur
d-moll

Musical staff showing the triads for F major (F, A, C) and d minor (d, f, a) in treble clef. The notes are placed on the first, second, and fourth lines of the staff. Roman numerals I, II, and IV are written below the staff, indicating the first, second, and fourth positions of the triads.

B dur
g-moll

Musical staff showing the triads for B major (B, D#, F#) and g minor (g, b, d) in treble clef. The notes are placed on the second, third, and fifth lines of the staff.

Es dur
c-moll

Musical staff showing the triads for E major (E, G#, B) and c minor (c, e, g) in treble clef. The notes are placed on the first, third, and fifth lines of the staff.

As dur
f-moll

Musical staff showing the triads for A major (A, C#, E) and f minor (f, a, c) in treble clef. The notes are placed on the second, fourth, and fifth lines of the staff.

Des dur
b-moll

Musical staff showing the triads for D major (D, F#, A) and b minor (b, d, f) in treble clef. The notes are placed on the second, fourth, and fifth lines of the staff.

Ges dur
es-moll

Musical staff showing the triads for G major (G, B, D) and e minor (e, g, b) in treble clef. The notes are placed on the second, fourth, and fifth lines of the staff.

Ces dur
as-moll

Musical staff showing the triads for C major (C, E, G) and a minor (a, c, e) in treble clef. The notes are placed on the first, third, and fifth lines of the staff.

b. Các giọng cùng tên.

Các giọng trưởng và thứ có âm chủ giống nhau gọi là các giọng cùng tên.

Ví dụ:

Giọng đô trưởng và giọng đô thứ:



Giọng đô trưởng không có dấu hoá và giọng đô thứ có dấu giáng là hai giọng cùng tên.

c. Ý nghĩa của điệu trưởng và thứ trong âm nhạc.

Khả năng diễn cảm của âm nhạc có được do sự tác động qua lại giữa các phương tiện của nó. Trong đó điệu thức có ý nghĩa lớn trong việc truyền đạt bằng âm nhạc một nội dung và tính cách nhất định.

Cùng một điệu thức nhưng khi kết hợp với các nhân tố khác nhau có thể tạo cho âm nhạc những sắc thái biểu hiện khác nhau. Nhìn chung, điệu thứ là đặc tính của loại âm nhạc miêu tả nội dung u buồn, khắc nghiệt, giàu kịch tính. Điệu trưởng là đặc tính của loại âm nhạc miêu tả những nội dung trang trọng, vui tươi, chiến thắng.

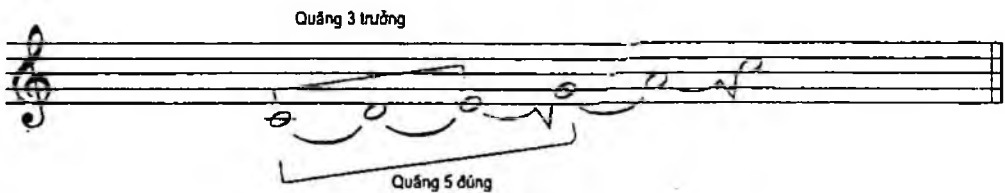
III. ĐIỀU THỨC NĂM ÂM

Âm nhạc cũng như các lĩnh vực nghệ thuật khác đã hình thành không giống nhau ở các dân tộc trong quá trình phát triển. Trong âm nhạc dân gian có những điệu thức khác ngoài điệu trưởng và thứ, có bài dân ca được xây dựng chỉ bằng bốn, năm, sáu âm thanh. Nhiều bài dân ca Việt Nam được xây dựng bằng các điệu thức năm âm.

Điệu thức năm âm là điệu thức chỉ có năm bậc, sắp xếp trong thang âm theo những quãng hai trưởng và ba thứ (không có quãng hai thứ). Do đó, điệu thức năm âm không có những âm không ổn định chịu sức hút mạnh. Loại điệu thức năm âm này từ lâu đã được sử dụng trong âm nhạc của nhiều dân tộc. Ở Trung Quốc người ta gọi các điệu thức năm âm đó là:

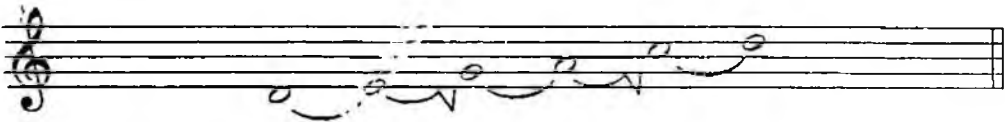
Cung, Thương, Giốc, Chuỷ, Vũ.

1. **Điệu cung:** So với điệu trưởng tự nhiên, trong điệu thức năm âm này không có các bậc IV và VII, công thức quãng: 2T 2T 3t 2T 3t.



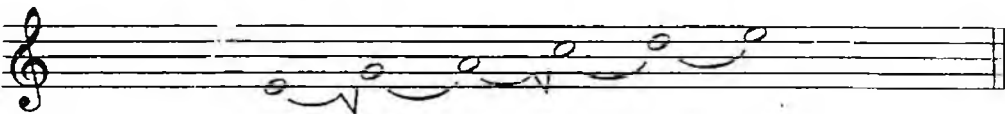
2. **Điệu Thương**

Công thức quãng: 2T 3t 2T 3t 2T



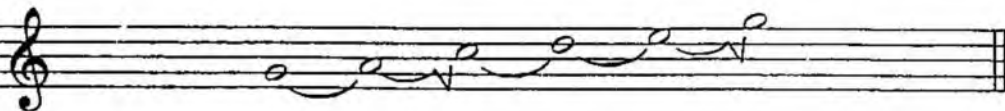
3. **Điệu Giốc**

Công thức quãng: 3t 2T 3t 2T 2T



4. **Điệu Chuỷ**

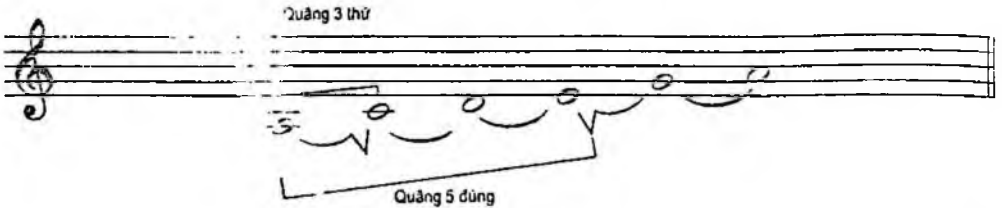
Công thức quãng: 2T 3t 2T 2T 3t



5. Điệu Vũ

Điệu Vũ là điệu thức có bậc I, III và V tạo thành hợp âm ba thứ, vì vậy có tính chất giống điệu thứ. So với điệu thứ tự nhiên, điệu Vũ không có các bậc II và VI.

Công thức quãng: 3t 2T 2T 3t 2T



Trong số các điệu thức năm âm trên có điệu Cung và điệu Vũ thường gặp hơn cả vì hai loại này bao gồm các yếu tố đơn giản đủ để xác định điệu thức, gắn với hai loại điệu thức trưởng và thứ bảy âm. Có thể gọi Cung là điệu thức trưởng năm âm và Vũ là điệu thức thứ năm âm.

Khi dùng những điệu thức này, người ta thường mượn hoá biểu tương ứng với hoá biểu của giọng trưởng hay thứ bảy âm cùng chủ âm. (Ví dụ: Rê trưởng năm âm dùng hai dấu pha thăng và đô thăng của hoá biểu rê trưởng; rê thứ năm âm dùng một dấu xi giáng của hoá biểu rê thứ...).

Ví dụ âm nhạc ở điệu thức năm âm trưởng.

Ví dụ 70:

CÔ VÀ MẸ

Phạm Tuyên



